TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2026/HS-PT
Ngày 06 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 596/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Bùi Trung Đ và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 686/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

* Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Bùi Trung Đ, sinh năm 1992 tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị); Nơi ĐKTT và chỗ ở: VE1220, chung cư N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Bùi Đức D; Con bà: Hồ Thị Minh G; Vợ: Nina Ho; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên tòa).

2. Thái Anh Đ1, sinh năm 2001 tại Thành phố Cần Thơ; Nơi ĐKTT và chỗ ở: T2A 1507 L, chung cư E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Thái Văn C; Con bà: Nguyễn Thị P; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

3. Lê Thị Trung Á, sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là Thôn T, phường A, tỉnh Gia Lai); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn A; Con bà: Trần Thị X (đã chết); Chồng: Lê Xuân V (đã ly hôn năm 2024); Có 01 con sinh ngày 05/01/2024; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên toà).

4. Bùi Ngọc T, sinh năm 1998 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi ĐKTT và chỗ ở: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Bùi Thanh L (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Bé B; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/01/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

5. Mai Kim N4, sinh năm 1999 tại tỉnh Cà Mau; Nơi ĐKTT: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau); Nơi ở: Nhà T, khu phố H, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Mai Thanh T1; Con bà: Lâm Trung H; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

6. Trần Minh C1, sinh năm 1994 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi ĐKTT: Số nhà C, Ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, Thành phố V); Nơi ở: Số nhà A - C, đường T, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Quang T2; Con bà: Đỗ Thị H1; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

7. Bùi Duy H2, sinh năm 1984 tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị); Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã L, tỉnh Quảng Trị); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông:

Bùi Văn T3 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Y; Vợ: Bùi Thị H3; Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/8/2017, bị Công an huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc;

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

8. Đoàn Hữu N, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi ĐKTT: Tổ D, Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); Nơi ở: Số nhà B, đường T, tổ G, khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đoàn T4; Con bà: Đào Thị Thùy T5; Vợ: Võ Thị Như Ý; Có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

9. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1998 tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT: Xóm F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); Nơi ở trước khi phạm tội (địa chỉ thuê): Phòng 1810, Số nhà B, đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T6; Con bà: Nguyễn Thị Q; Vợ: Lê Thị H4 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

10. Phạm Anh L2, sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi ĐKTT: Số nhà C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai); Nơi ở trước khi phạm tội: Số nhà G, đường X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn C2 (đã chết); Con bà: Trần Thị V1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

11. Trần Vũ Trọng Đ2, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Số nhà C, đường F, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Quang H5; Con bà: Vũ Thị Minh T7; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

12. Đinh Văn C3, sinh năm 1995 tại tỉnh Thanh Hoá; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đinh Văn C4 bà: Trương Thị T8; Vợ: Lê Thị T9; Có 03 con; lớn sinh năm 2025, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú ngày 17/9/2024, bị bắt tạm giam ngày 09/01/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

13. Hoàng Thị Mỹ H6, sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Số nhà H, đường T, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn M; Con bà: Đoàn Thị H7; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023 đến ngày 06/02/2024 được hủy bỏ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt tại phiên toà).

14. Hồ Ngọc N1, sinh năm 1998 tại tỉnh Đăk Lăk; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Số nhà G, đường B, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn C5; Con bà: Hồ Thị Kim L3; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú ngày 21/10/2024, bị bắt tạm giam ngày 09/01/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

15. Lê Thị Mỹ H8, sinh năm 1995 tại tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi); Nơi ĐKTT và chỗ ở: Xóm D, tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn P1; Con bà: Thái Thị N2; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú ngày 21/10/2024, bị bắt tạm giam ngày 09/01/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

16. Nguyễn Thị Diệu H9, sinh năm 1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi ĐKTT: Khu dân cư S, thôn D, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã M, tỉnh Quảng Ngãi); Nơi ở trước khi phạm tội (thuê trọ): Số nhà B, đường P, phường

H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đức H10; Con bà: Lê Thị Bé N3; Chồng: Nguyễn Tấn T10; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

17. Cao Thị Diệu S, sinh năm 1997 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKTT: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (nay là xã P, tỉnh Gia Lai); Nơi ở trước khi phạm tội (thuê trọ): Nhà trọ 60, đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Cao Hữu Hồng P2 (đã chết); Con bà: Phạm Thị T11; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

18. Thái Văn Thiên B1, sinh năm 1999 tại Thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ C, phường T, quận T, Thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, Thành phố Đà Nẵng); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Thái Văn A1; Con bà: Võ Thị H11; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 34/HSST ngày 07/7/2017 của TAND quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng xử phạt Thái Văn Thiên B1 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". (Đã chấp hành xong, ra trại ngày 09/11/2018).

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt tại phiên toà).

19. Phan Đức H12, sinh năm 1997 tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị); Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã L, tỉnh Quảng Trị); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phan Văn D1; Con bà: Vương Thị T12; Vợ: Lê Thị Cẩm T13; con: có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (Có mặt).

* *Người bào chữa theo yêu cầu của các bị cáo Cao Thị Diệu S và Trần Minh C1:* Luật sư Hoàng Trọng G1, Luật sư Mai Bá H13 và Luật sư Nguyễn Thị M1 - Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Luật sư H13, luật sư G1 đều có mặt.

** Người bào chữa theo yêu cầu của các bị cáo Bùi Trung Đ, Thái Thị Đ3, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T, Mai Kim N4, Trần Minh C1, Bùi Duy H2, Đoàn Hữu N, Nguyễn Văn L1, Phạm Anh L2, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C3, Hồ Ngọc N1, Lê Thị Mỹ H8, Nguyễn Thị Diệu H9, Hoàng Thị Mỹ H6, Phan Đức H12 và Thái Văn Thiên B1:* Ông Đặng Hồng D2, ông Vũ Quang D3, ông Phan Minh T14, ông Phạm Văn T15, ông Nguyễn Kim T16, ông Nguyễn Văn T17 và ông Đỗ Hữu P3 – Luật sư Công ty TNHH S1, Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc T theo yêu cầu:* Luật sư Nguyễn Minh L4 và Luật sư Bùi Thị M2 - Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Bùi Trung Đ theo yêu cầu:* Luật sư Phạm Ngọc T18 - Công ty TNHH T19, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:* Ngân hàng TMCP Đ4; địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là: Phường C, thành phố Hà Nội); vắng mặt, có đơn xin rút kháng cáo.

** Trong vụ án còn có 12 bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo; các bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chứng khoán quốc tế (hay còn gọi là chứng khoán ngoại hối) là một loại tài sản tài chính được giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán ở nhiều quốc gia khác nhau. Thị trường chứng khoán quốc tế cho phép các nhà đầu tư mua và bán các cổ phiếu, trái phiếu, quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác của các công ty trong và ngoài nước. Hoạt động đầu tư chứng khoán là việc mua bán, nắm giữ cổ phiếu, trái phiếu, quyền mua cổ phần, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác do Chính phủ ban hành trên thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư kiếm lời dựa trên sự thay đổi giá của các loại chứng khoán (giao dịch chênh lệch giá dựa trên thị trường chứng khoán). Tại Việt Nam, các nhà đầu tư tham gia giao dịch, đầu tư vào các sàn giao dịch chứng khoán dưới hai hình thức trực tiếp và gián tiếp. Đối với hình thức đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư mở tài khoản trực tiếp trên website của sàn giao dịch và tự thực hiện hoạt động mua/bán chứng khoán quốc tế. Đối với hình thức đầu tư gián tiếp, nhà đầu tư sẽ gửi lệnh mua bán thông qua cá nhân hoặc tổ chức tự nhận là đại diện của sàn tại Việt Nam và cá nhân hoặc tổ chức này sẽ thay nhà đầu tư chuyển tiền, rút tiền và nhập lệnh lên sàn, thông báo lãi, lỗ, cũng như yêu cầu nhà đầu tư chuyển thêm tiền nếu tài khoản bị lỗ dẫn đến thiếu hụt tài sản ký quỹ. Hoạt động đầu tư trên các sàn giao dịch chứng khoán quốc tế trực tuyến hiện chưa được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ. Các giao dịch chủ yếu diễn ra qua các phần mềm do Công ty T12 cung cấp. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân, các

đối tượng cấu kết với nhau để tạo lập, quản lý, điều hành các trang web có tên tiếng Anh giống với tên các sàn giao dịch chứng khoán quốc tế. Các trang web trên về bản chất đều đã được lập trình sẵn, gắn với tài khoản ngân hàng do các đối tượng quản lý. Các đối tượng quản lý phân chia thành các bộ phận thực hiện các hoạt động độc lập, bổ trợ lẫn nhau để dụ dỗ bị hại chuyển tiền tham gia đầu tư và chiếm đoạt tài sản.

Từ năm 2022, Bùi Trung Đ (sinh năm 1992; trú tại phòng VE1220, chung cư N, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh) cùng các đối tượng (hiện chưa xác định được) thành lập nhiều Công ty và sử dụng danh nghĩa của các Công ty đó để tuyển dụng nhân viên làm việc tại các bộ phận (Bộ phận kế toán, Bộ phận nhân sự, Bộ phận công nghệ thông tin, Bộ phận kinh doanh và chăm sóc khách hàng), thực hiện các hoạt động độc lập, bổ trợ lẫn nhau để thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tiền đầu tư của các bị hại. Mặc dù không được cấp giấy phép hoạt động nhưng Bùi Trung Đ và các đối tượng đã điều hành nhân viên hoạt động trong lĩnh vực tư vấn chứng khoán, tài chính... nhằm mục đích lôi kéo khách hàng tham gia đầu tư để chiếm đoạt tài sản.

Trung Đức và đồng phạm đã sử dụng thủ đoạn hoạt động phạm tội bằng hình thức tạo lập, quản lý các trang web như ZenoMarkets, L, CHMarkets, TradeTime, LPLtrade, DexInvesting để mọi người hiểu nhầm là tham gia đầu tư chứng khoán quốc tế. Các trang web trên về bản chất đều đã được lập trình sẵn, không có tính năng đối ứng ra thị trường thế giới, mỗi sàn giao dịch đều được kết nối với ứng dụng MetaTrader (MT4, MT5). Tiền của khách hàng nạp vào đều nằm ở trong các tài khoản do các đối tượng đăng ký mở tại các ngân hàng dưới tên các Công ty. Khách hàng chơi thị trường ngoại hối (forex) trên trang web trên thực chất là chơi với chủ sàn (admin), khi khách hàng thua là chủ sàn được hưởng tiền đó. Trong đó, Bộ phận kinh doanh và chăm sóc khách hàng (S7) được tuyển dụng và đào tạo về quy trình đã được lập sẵn để dụ dỗ bị hại tham gia thông qua mạng xã hội, qua việc trực tiếp gọi điện thoại, nhắn tin, sau đó đưa ra các thông tin sai sự thật nhằm tạo sự tin tưởng để bị hại chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng gắn với sàn giao dịch do các đối tượng quản lý. Ban đầu khách hàng sẽ được các đối tượng cho thắng vài lệnh, với số tiền nhỏ và có thể rút được về tài khoản. Nhân viên sẽ tiếp tục chăm sóc khách hàng, dụ dỗ để khách nạp tiền cho đến khi hết khả năng tài chính và bị thua hết tiền, nhân viên chăm sóc khách hàng (Sale) tiếp tục đưa ra các thông tin để khách hàng nghĩ việc thua là do yếu tố khách quan, nhưng về bản chất dòng tiền của khách hàng không được sử dụng để cho khách hàng tham gia chơi thị trường ngoại hối (forex).

Để thực hiện hành vi phạm tội, Bùi Trung Đ và các đối tượng đã mở 27 Công ty, trong đó đã sử dụng danh nghĩa của 03 Công ty Trách nhiệm hữu hạn (Công ty TNHH U, Công ty TNHH I, Công ty TNHH T13) để tuyển dụng nhân sự; 02 Công ty (Công ty TNHH D1, Công ty TNHH S8) được sử dụng để ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê máy chủ lưu trữ các cuộc gọi trên ứng dụng

Zoiper, thuê các đầu số điện thoại để sử dụng dịch vụ Zoiper; thành lập 07 Công ty (Công ty TNHH R, Công ty TNHH A3, Công ty TNHH A4, Công ty TNHH T14, Công ty TNHH U1, Công ty TNHH S9, Công ty TNHH S10) rồi đăng ký mở 09 tài khoản ngân hàng (tài khoản số 317228 mang tên Công ty TNHH R, tài khoản số 231366 mang tên Công ty TNHH A3, tài khoản ACB số 28738287 mang tên Công ty T14 mở tại Ngân hàng A5; các tài khoản số 1029417421 mang tên Công ty TNHH A4, số 1031327764 mang tên Công ty TNHH T14, số tên Công ty TNHH U1, số 1031477119 mang tên Công ty TNHH S9, tài khoản số 1031476369 mang tên Công ty TNHH S10 đều mở tại Ngân hàng V4; tài khoản A6 số 0811020234016 mang tên Công ty A4), các tài khoản này gắn với sàn giao dịch để người bị hại nhầm tưởng các sàn trên thuộc quản lý của các Công ty nước ngoài; thành lập 16 Công ty (Công ty TNHH U, Công ty TNHH J1, Công ty TNHH D2, Công ty TNHH T15, Công ty TNHH B2, Công ty TNHH E1, Công ty TNHH K2, Công ty TNHH O, Công ty TNHH P3, Công ty TNHH N8, Công ty TNHH M, Công ty TNHH T16, Công ty TNHH S11, Công ty TNHH B3, Công ty TNHH T17, Công ty TNHH P4) khác nhau để thuê 15 Văn phòng (Văn phòng tại tầng 3, tầng A, tầng 14, tòa nhà M ở số nhà F, đường Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại tầng 6, tòa nhà S, đường Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại tầng 3, tầng F, tòa nhà S, đường U (có 01 Tòa nhà B), phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại tầng 2, tòa nhà F, đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại tòa V và tòa Venice 3 thuộc tòa nhà A, đường M, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại tầng 3, tòa nhà M Building ở số I, đường số H, khu A, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại tầng 4, tòa nhà R ở số G, đường L, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại địa chỉ tầng E, tòa nhà ở số A, đường M, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại sàn tầng M, tầng A tòa nhà S N, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng tại tầng 4, tòa nhà S, đường Đ, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng 677/7, đường Đ; Văn phòng ở số A, đường N; Văn phòng tại số nhà E, đại lộ H, khu công nghiệp V T, tỉnh Bình Dương; Văn phòng ở số nhà E, Xa Lộ H; Văn phòng ở số nhà A, đường N, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh) để bố trí cho Bộ phận chăm sóc khách hàng hoạt động phạm tội.

Các văn phòng làm việc đều không treo biển, nhân viên được cấp tài khoản mang tên giả, các nhân viên được quán triệt không tiếp xúc, gặp gỡ với người khác trong thời gian làm việc, không ra khỏi văn phòng khi không có việc cấp bách, được Bộ phận nhân sự bố trí máy tính xách tay, tai nghe, cơm trưa đến tận nơi, các nhân viên đi làm không sử dụng xe công nghệ để tránh bị lộ vị trí văn phòng làm việc. Các nhân viên Sale được tuyển dụng đều không cần bằng cấp, không được đào tạo về chứng khoán, cổ phiếu nhưng khi vào làm việc sẽ được hướng dẫn những thông tin cơ bản và thực hiện theo kịch bản có sẵn nhằm dụ dỗ

khách hàng chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng được kết nối với trang web sàn chứng khoán.

Về mô hình hoạt động: Bùi Trung Đ làm quản lý chung tại các Văn phòng ở thành phố Hồ Chí Minh, chịu trách nhiệm nắm tình hình để đưa ra phương hướng hoạt động cho các nhân viên thực hiện, điều hành mọi hoạt động của các văn phòng (áp dụng những quy định về tiền lương, hỗ trợ tiền cơm, quản lý nhân viên dựa trên việc tương tác với khách hàng, đưa ra mức thưởng tiền hoặc có chính sách thăng chức khi đạt chỉ tiêu nhất định; áp dụng những quy định để gắn trách nhiệm của nhân viên...). Đ yêu cầu các nhân viên tự học tập nâng cao kỹ năng thông qua nghe các file ghi âm những lần Đ trực tiếp thuyết trình, nghe các cuộc hội thoại mẫu, kịch bản gọi để nâng cao kỹ năng, vốn từ; định kỳ phải gửi đề xuất của bản thân để nâng cao chất lượng công việc, bị trừ lương hoặc cho nghỉ việc nếu vi phạm hoặc không đạt chỉ tiêu..., truyền cảm hứng cho các nhân viên thông qua nêu gương các nhân viên hướng dẫn khách nạp tiền nhiều, những nhóm hoạt động đạt doanh số cao, tiền thưởng lớn hoặc được thăng chức nhanh với mục đích để nhân viên luôn luôn tin tưởng vào đường lối hoạt động của Công ty, hết mình dụ dỗ được nhiều khách nạp tiền để được thưởng nhiều tiền.

(1) Bộ phận kế toán do Mai Thị Xuân C (tức S, sinh năm 1995; trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa) làm Trưởng bộ phận, có vai trò nhận thông tin (Data) của khách hàng giao cho Bộ phận kinh doanh để liên hệ, hướng dẫn khách hàng nạp tiền; thống kê chốt số lượng khách chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng gắn với sàn giao dịch; tính lương, thanh toán tiền lương, thanh toán tiền thuê văn phòng của Công ty và các chi phí khác. Trong đó, Trần Minh C1 (tức Hạ A, sinh năm 1994; trú tại số nhà A C, đường T, phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) được Cầm tuyển dụng, giao phụ trách kế toán thanh toán, bao gồm nhận tiền mặt của Công ty để thanh toán tiền thuê các văn phòng, tiền dọn vệ sinh, tổng hợp số lượng và thanh toán tiền cơm cho nhân viên. Việc tính lương cho các nhân viên do Nguyễn Hoài N (tức K, sinh năm 1997; trú tại ấp L, xã L, huyện C , tỉnh Long An) phụ trách. Đối với lương của nhân viên: Căn cứ vào bảng chấm công do Bộ phận nhân sự gửi vào nhóm chấm công (S), C1 truy cập vào "Trang T" trên ứng dụng Google rồi cùng với kế toán khác và C đối chiếu chỉnh sửa. Sau khi chốt tiền lương, C sẽ cho C1 ra khỏi trang. Đối với nhân viên hiện đang còn làm việc thì vào ngày 15 hàng tháng, nhân viên sẽ truy cập vào trang web Salenetworrknet để đặt lệnh rút, sau khi có người duyệt, tiền sẽ được chuyển vào tài khoản cá nhân. Đối với nhân viên nghỉ việc thì vào ngày 22 - 23 hàng tháng, Công ty sẽ giao Bộ phận nhân sự đến gặp C1 để lấy tiền lương, rồi mang về các văn phòng để phát cho nhân viên nghỉ việc đó.

(2) Bộ phận nhân sự, checkbill và pháp lý do Lê Thị Trung Á (tức Mộc T1, J, sinh năm 1994; trú tại thôn T, xã N, thành phố A, tỉnh Bình Định) và Bùi Ngọc T2 (tức Bùi Trung H, sinh năm 1998; trú tại Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An) là Trưởng bộ phận. Nhân viên của Bộ phận nhân sự sẽ làm việc tại các văn phòng cùng với Bộ phận kinh doanh. Trong đó, Lê Thị Trung Á phụ

trách Bộ phận đăng tin tuyển dụng nhân viên, tiếp nhận thông tin để phỏng vấn nhận hồ sơ, có các nhân viên gồm Nguyễn Thị C2 (sinh năm 1969; trú tại số nhà A, đường V, phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh), L1, Đ (hiện chưa xác định được lai lịch). Khi có người đăng ký tuyển dụng, Á gọi điện thoại cho từng người để yêu cầu cung cấp bản phô tô Chứng minh nhân dân, Sơ yếu lí lịch và là người trực tiếp phỏng vấn, giới thiệu cụ thể công việc khi vào làm việc. Những người nào ứng tuyển làm việc cho văn phòng tại địa chỉ nào thì Á sẽ bàn giao lại cho Quản lý nhân viên kinh doanh của văn phòng đó để đào tạo. Ngoài ra, những người do Á tuyển thì Á sẽ tự quyết định. Đối với hồ sơ nhân viên, lương thưởng sẽ báo lại cho Quản lý của văn phòng đó. Mỗi văn phòng sẽ có 01 người thuộc bộ phận nhân sự do Ái quản lý và 01 người thuộc Bộ phận kế toán. Khi văn phòng có nhu cầu tuyển người thì nhân sự tại văn phòng sẽ nhắn tin để Á cùng đăng bài tuyển nhân viên kinh doanh. Khi có người ứng tuyển sẽ được hướng dẫn đến thẳng địa chỉ văn phòng và do nhân sự của văn phòng đó phỏng vấn. Nếu được thì sẽ bắt đầu làm việc luôn, phần chấm công, lương thưởng do kế toán của văn phòng phụ trách.

Các nhân viên mới vào làm việc tại Công ty được cấp phát 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc máy tính xách tay đã được cài đặt sẵn ứng dụng Zoiper hoặc sim số điện thoại. Bộ phận nhân sự do T2 phụ trách sẽ chịu trách nhiệm cấp phát các trang thiết bị này cho nhân viên.

Quá trình điều tra xác định: Phó Đức N1 (sinh năm 1994; trú tại số nhà A, phố C, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) giao cho quản lý qua nhóm tra cứu (checkbill), gồm: Nguyễn Thị Thanh T3 (sinh năm 1998; trú tại số nhà B, xóm C, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh), Lê Thị Nhật H1 (sinh năm 1999; trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định), Phan Thị Thùy T4 (sinh năm 1998; trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định), Huỳnh Thị H2 (sinh năm 1995; trú tại L, tổ dân phố A, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk) và Nguyễn Ngọc H12 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để quản lý, điều phối dòng tiền qua tài khoản ngân hàng sau khi nhận tiền từ các bị hại. Từ ngày 25/3/2022, Á cùng nhóm checkbill được phân công làm công tác tuyển dụng cho văn phòng tại Campuchia đồng thời tiếp tục quản lý tài khoản ngân hàng theo sự chỉ đạo của các đối tượng. Đối với Bùi Ngọc T2 phụ trách thủ tục pháp lý, hồ sơ để mở các Công ty, thuê văn phòng, tài khoản ngân hàng; điểm danh, chấm công hàng ngày để chuyển cho Bộ phận kế toán tính lương, quản lý tài sản của các văn phòng (máy tính, điện thoại, tai nghe), báo cơm. Trong đó, Mai Kim N2 (tức An V, F, sinh năm 1999; trú tại khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau) được tuyển dụng làm việc dưới sự quản lý của Bùi Ngọc T2, được giao phụ trách việc báo cơm cho các nhân viên, kiểm tra chấm công nhân viên do Thái Anh Đ1 (sinh năm 2001; Trú tại phòng T A L, chung cư E, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh) phụ trách rồi chuyển cho Bộ phận kế toán tính lương, lưu hồ sơ xin việc của nhân viên, thống kê số lượng đồ dùng trong phòng làm việc. Quá trình làm việc, những văn bản nào cần đóng dấu đỏ của các Công ty

thì. T2 giao cho N2 mang đến Công ty TNHH S12, địa chỉ văn phòng tại B, khu đô thị S, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh đưa cho lễ tân là Huỳnh Thị Yến N3 (sinh năm 2000; trú tại số nhà D, khu B Hàng P, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Yến N3 chuyển về bộ phận do Nguyễn Thị Minh T5 (sinh năm 1989; trú tại số nhà F Xóm C, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh), để T5 báo cho người quản lý Công ty L6 (Quốc tịch T) và E cho người đến lấy.

(3) Bộ phận công nghệ thông tin (IT): Do Bùi Duy H3 (tức Thanh H4, sinh năm 1984; trú tại thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình) là T6 bộ phận, gồm có các nhân viên Đoàn Hữu N4 (sinh năm 1994; trú tại số nhà B, đường T, tổ G, khu phố C, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh), Tô Khắc H5 (sinh năm 1995; trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre) và các nhân viên khác làm việc tại văn phòng ở số nhà H, đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ của Bộ phận công nghệ thông tin là lắp đặt hệ thống inernet tại các văn phòng, lắp đặt thiết bị để chuyển địa chỉ IP sang nước ngoài; thuê tổng đài ảo VoIP (hệ thống gọi điện thông qua gói dữ liệu kỹ thuật số Internet) rồi cài đặt ứng dụng Zoiper trên máy tính xách tay cung cấp cho nhân viên S1 sử dụng; cài đặt ứng dụng Signal, T7 trên điện thoại, máy tính rồi chuyển cho Bộ phận nhân sự cấp phát cho nhân viên bộ phận kinh doanh sử dụng; mua và sửa chữa thiết bị ở văn phòng; khắc phục các sự cố khi sử dụng mạng internet. Ngoài nhiệm vụ trên, N4 còn được Bùi Ngọc T2 đưa cho hồ sơ của Công ty TNHH D1, Công ty TNHH S13 ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tổng đài với Công ty Cổ phần C5. Công ty C5 cấp cho thuê 1030 đầu số điện thoại, trong đó N4 được giao quản lý 830 đầu số điện thoại để cài đặt trên ứng dụng Zoiper cho Bộ phận kinh doanh do Hoài N tức "Khoa" là Trưởng phòng phụ trách, còn 200 đầu số điện thoại còn lại thì giao cho Bùi Duy H3 quản lý để cài đặt cho bộ phận kinh doanh do Thái Anh Đ1 "Nhỉ" phụ trách.

(1) Bộ phận kinh doanh, chăm sóc khách hàng do Nguyễn Hoài N (tức K, sinh năm 1997; trú tại ấp L, xã L, huyện C , tỉnh Long An) và Thái Anh Đ1 là Tổng quản lý (TQL). Các nhân viên thuộc bộ phận này làm việc tại 14 văn phòng, gồm 19 nhóm. Trong đó, Nguyễn Hoài N quản lý 17 nhóm (hiện chưa xác định được), đứng đầu mỗi nhóm gọi là BỌT hoặc LEADER. Các nhân viên thuộc nhóm do Nguyễn Hoài N phụ trách đa phần là nhân viên S2 mới được tuyển dụng để gọi điện dụ dỗ khách tham gia đầu tư trên các trang web do Công ty quản lý, trường hợp khách đồng ý thì thông tin khách hàng được Mai Thị Xuân C chuyển sang cho Bộ phận chăm sóc khách hàng do Thái Anh Đ1 phụ trách. Thái Anh Đ1 quản lý các nhân viên làm việc tại văn phòng ở tòa nhà tại số A, đường N, phường T, thành phố T, thành phố H. Đến tháng 02/2023, các nhân viên chuyển văn phòng làm việc đến tầng 6, tòa nhà số A, đường N và tầng D, tòa nhà số E, Xa lộ H, thành phố T, phố H, được chia thành 07 nhóm (gọi là T8), mỗi Team do 01 trưởng nhóm (L) phụ trách. Cụ thể:

- Nhóm trực tiếp do Thái Anh Đ1 phụ trách gồm 20 nhân viên, trong đó có Nguyễn Văn L2 (tức Gia H6, sinh năm 1998; trú tại xóm F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An), Phạm Anh L3 (tức Hữu T9, sinh năm 1992; trú tại số nhà C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), Cao Thị Diệu S3 (tức Bảo A1, sinh năm 1997; trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai).

- Nhóm do Hồ Ngọc N5 (tức Thành Đ2, sinh năm 1998; trú tại số nhà G, đường B, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) phụ trách có 06 nhân viên, trong đó có Hoàng Thị Mỹ H7 (tức Phương L4, sinh năm 2000; trú tại số nhà H, đường T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh).

- Nhóm Trần Vũ Trọng Đ3 (tức H13, sinh năm 1993; trú tại số nhà C, đường F, khu phố B, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh) phụ trách 03 nhân viên, trong đó có Nguyễn Thị Diệu H8 (tức Tiểu V1, sinh năm 1997; trú tại thôn D, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi).

- Nhóm Đinh Văn C3 (tức Phạm K1, Khắc T10; sinh năm 1995; trú tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) phụ trách 13 nhân viên, trong đó có Phan Đức H9 (tức Hoàng P; sinh năm 1997; trú tại thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình), Lê Thị Mỹ H10 (tức T18; sinh năm 1995; trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Văn Thiên Bảo (tức Minh P1; sinh năm 1999; trú tại tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng).

- Nhóm do Bùi Thị Thiên T11 (tức Vân A2; sinh năm 1997; trú tại Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre) phụ trách 04 nhân viên.

- Nhóm do Trần Phương D (tức Mạnh H11; sinh năm 1997; trú tại thôn E, xã E, huyện E) phụ trách 02 nhân viên.

- Nhóm do Hồ Thị Hương V2 (tức Hà P2; sinh năm 2002; trú tại thôn F, xã H, huyện P, tỉnh Đăk Lắk) quản lý 03 nhân viên.

Các nhân viên do Thái Anh Đ1 quản lý đa phần đều đã có kinh nghiệm dụ dỗ khách hàng, một số được chuyển từ bộ phận do Nguyễn Hoài N phụ trách sang. Các nhân viên (gọi là RET) đều được Bộ phận nhân sự trang bị máy tính, điện thoại cài đặt sẵn ứng dụng Z, T7, S4 rồi tham gia các nhóm liên lạc, phục vụ cho công việc. Dưới Thái Anh Đ1 là các nhóm trưởng (L7), các nhóm trưởng phụ trách trực tiếp các nhân viên, thường xuyên đôn đốc và tư vấn cách làm việc cho nhân viên mới. Thái Anh Đ1 là Tổng quản lý phụ trách chung, chịu trách nhiệm phát thông tin của khách hàng (D3) cho các nhóm trưởng (Leader) để phân tới từng nhân viên; tiếp nhận ý chí của Bùi Trung Đ để đôn đốc các Trưởng nhóm, nhân viên thực hiện việc dụ dỗ khách hàng đồng ý nạp tiền, quản lý việc nhân viên thực hiện các cuộc gọi tư vấn cho khách hàng dựa trên thông tin (D) và phải báo cáo số liệu thực hiện hàng ngày; quản lý việc nghỉ và đi lại của nhân viên trong bộ phận chăm sóc khách hàng, phối hợp cùng bộ phận nhân sự để chấm công, báo cáo các sự việc phát sinh trong quá trình nhân viên thực hiện để xin ý kiến của Bùi Trung Đ. Thông tin (Data) của khách hàng được các đối tượng thu thập từ nhiều nguồn khác nhau rồi giao cho Mai Thị Xuân C phân

công cho từng nhóm thuộc Bộ phận chăm sóc khách hàng. Đối với khách hàng đã đồng ý tham gia đầu tư, có tài khoản MT5 thì C sẽ phân cho các L5 qua nhóm lập trên tài khoản Signal. Sau đó, trưởng nhóm (L) gửi thông tin chi tiết khách hàng cho các nhân viên chăm sóc khách hàng (Sell) trong nhóm. Đối với thông tin (Data) khách hàng chưa tham gia đầu tư thì C sẽ in ra giấy rồi chuyển cho Thái Anh Đ1. Đ1 đưa cho L5 để phân công cho từng nhân viên chăm sóc khách hàng (S) trong nhóm. Các nhân viên này khi vào làm việc được đào tạo về quy trình như sau: Nhân viên sử dụng máy tính xách tay đã cài sẵn ứng dụng "Zoiper Free", kết nối với tai nghe để gọi điện thoại đến các khách hàng (số điện thoại hiển thị được các đối tượng thuê của N6 cung cấp dịch vụ VoIP), sử dụng tên giả để nói chuyện, không được gọi điện videocall cho khách để tránh bị khách hàng phát hiện. Sau khi trao đổi về thông tin cá nhân của khách hàng, nhân viên sẽ đánh giá về khả năng tài chính, tính cách để lựa chọn cách tiếp cận đạt hiệu quả. Những lệnh đầu tiên, nhân viên tư vấn sẽ lựa chọn những mã nào có lời và tập trung vào mã đó để khách hàng thích thú, đam mê thị trường, thông thường sẽ cho chốt ít và làm nhiều lần để khách liên tục giao dịch. Cho khách hàng rút tiền để khách thấy sàn có tính thanh khoản nhanh tạo niềm tin cho khách đầu tư số tiền lớn hơn. Khi khách bắt đầu đam mê 1 mã sẽ nâng dần khối lượng, chụp những tài khoản giao dịch lớn chốt lãi cao để khách tiếc, đưa ra thông tin mã này sẽ có tin tăng hoặc giảm mạnh để khách nâng vốn lên bắt xu hướng. Nếu khách không đồng ý nâng vốn thì nhân viên sẽ tiếp tục hỗ trợ lãi (thực tế là không phải) đồng thời tiếp tục chụp tài khoản cao để khách tiếc, cứ lặp lại vài lần khách sẽ bắt nâng dần vốn lên. Nếu khách đồng ý, nhân viên bắt đầu hỗ trợ nâng khối lượng, dồn dập giao dịch, cho lãi nhiều và tiếp tục thỏa thuận (deal) vốn (nhân viên được hướng dẫn hỗ trợ chính vào khung 22h - 24h, trực để gọi hối thúc khách). Đưa ra có loại tài khoản Vip để được hưởng cơ chế tốt của sàn (phí chênh lệch "spread" giảm, miễn phí chuyển đổi "swap"); thường "Bonus"; đưa ra các gói bảo hộ, các thương vụ đầu tư... Đối với khách hàng đã có kinh nghiệm thì cập nhật thông tin thị trường, tư vấn khách hàng giao dịch phù hợp với tài khoản, hướng dẫn khách hàng một số kinh nghiệm: Nhân viên chỉ cho khách tự phân bổ nguồn vốn thành nhiều phần khác nhau khi mua cổ phiếu (T19), kể ví dụ ra vài trường hợp để khách tự làm chủ tài khoản... Khi tài khoản của khách gặp vấn đề, nhân viên sẽ ổn định tâm lý của khách trước, giải thích vì sao cần bao nhiêu vốn để xử lý và sau khi xử lý sẽ đem về bao nhiêu tiền, trong thời gian bao lâu. Trong quá trình xử lý "lệnh âm", có nhiều cách để nâng vốn thêm, như:

- Xử lý một nửa tài khoản cho hồi, nếu đủ thì có thể xử lý trong ngày vì ngày đó có tin mạnh;

- Làm cho khách rối, cắt - đặt lệnh liên tục và đổ cho khách làm sai, vốn vào không đủ để xử lý, bắt buộc phải có vốn thêm;

- Cho vào những mã lời và báo là tối sẽ tiếp tục có tin nữa, cần vốn mạnh hơn để mua khối lượng nhiều hơn;

- Giả vờ tham gia góp vốn với khách khi tài khoản nguy hiểm để khách cảm thấy là mình là người đồng hành với khách, tài khoản là tài khoản chung chứ không phải giữa tư vấn với khách hàng;

- Dùng group, "chân gỗ" tương tác để truyền cảm hứng, niềm tin để khách hàng tin là có thể xử lý được;

- Đổ lỗi cho thị trường không ổn định và xấu chung chứ không phải cá nhân ai. Khi tài khoản bị "cháy" thì báo khôi phục tài khoản và số tiền sẽ lấy lại được là bao nhiêu. Vẫn duy trì gửi thông tin hoặc dùng "chuyên gia" có kinh nghiệm xử lý hoặc bán cho "RET" (bộ phận tư vấn) của sàn khác tâm sự để ổn định tâm lý, tránh để khách nghi ngờ với mục đích để mời khách quay lại thị trường. Đối với việc đăng ký thành lập, thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp của các Công ty được các đối tượng sử dụng vào hoạt động phạm tội, tài liệu thu thập được xác định: Các đối tượng (hiện chưa xác định được) liên hệ với Công ty TNHH S12, địa chỉ văn phòng tại B, khu đô thị S, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện thanh toán cước điện thoại, mạng internet, tiền thuê mặt bằng, điện nước..., thuê dịch vụ để đổi tên chủ sở hữu doanh nghiệp sau đó đăng ký mở tài khoản tại các ngân hàng. Lãnh đạo của S5 là người tên E (Q T, tài khoản Telegram "Erhan"), quản lý tại Việt Nam là Phó Đức N1 (tài khoản Telegram "Grandexe"). Đối với thanh toán các dịch vụ (cước điện thoại, internet, thuê văn phòng...), Nguyễn Thị Minh T5 (sinh năm 1989; trú tại số nhà F, xóm C, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh) phụ trách bộ phận admin, gồm Nguyễn Thị Bích Đ4 (sinh năm 1990; trú tại số nhà C, đường A, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh), Đặng Thị Hà N7 (sinh năm 1997; trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh)... lập đề nghị thanh toán các dịch vụ của các Công ty đối tác đã ký hợp đồng dịch vụ với Công ty S12, chốt bảng thống kê theo tuần rồi chuyển cho Phó Đức N1 duyệt. Đối với việc thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp và mở tài khoản ngân hàng: Erhan giao nhiệm vụ cho T5 tìm bên cung cấp dịch vụ. T5 nhận hồ sơ từ E rồi thuê Công ty TNHH V5 do anh Nguyễn Vũ Vi V3 (sinh năm 1989; trú tại căn hộ D, khối A, chung cư N, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) là Giám đốc làm dịch vụ thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp từ người Việt Nam thành người nước ngoài, mở tài khoản ngân hàng đứng tên một số các Công ty đã làm xong thủ tục, V3 đồng ý làm với chi phí trung bình 1.000 USD/bộ hồ sơ, do quen biết nên hai bên không ký hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó, Công ty V6 đã làm thủ tục thay đổi 65 Công ty, trong đó có Công ty TNHH U1, Công ty TNHH T13, Công ty TNHH A3, Công ty TNHH T14, Công ty TNHH R, Công ty TNHH A4, Công ty TNHH S10, Công ty TNHH S9, Công ty TNHH E2, Công ty TNHH C6, Công ty TNHH P5, Công ty TNHH A7. Nhân viên của Công ty V6 là Nguyễn Xuân C4 (sinh năm 1975; trú tại số nhà E M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) đến ngân hàng đăng ký mở: Tài khoản V4 số 1031327764 và tài khoản ACB số 28738287 mang tên Công ty TNHH T14. Nguyễn Ngọc Ngân H12 (sinh năm 2004; trú tại xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) đến ngân hàng đăng ký mở

tài khoản ngân hàng V4 số 1030943887 mang tên Công ty TNHH U1. Ngoài ra, Đặng Thị Hà N7 đã đã tự đến ngân hàng đăng ký mở 07 tài khoản, gồm: Tài khoản số 317228 mở tại Ngân hàng A5 mang tên Công ty TNHH R, tài khoản số 231366 mở tại Ngân hàng A5 mang tên Công ty TNHH A3; tài khoản số 1029417421 mở tại Ngân hàng V4 mang tên Công ty TNHH A4; tài khoản số 417736 mở tại Ngân hàng A5 mang tên Công ty TNHH S14; tài khoản số 314228 mở tại Ngân hàng A5 mang tên Công ty TNHH E2; tài khoản số 313416 mở tại Ngân hàng A5 mang tên Công ty TNHH P5 và tài khoản số 944036 mở tại Ngân hàng A5 mang tên Công ty TNHH C6. Các hồ sơ Công ty và hồ sơ mở tài khoản sau khi hoàn thiện được chuyển về cho T5 và T5 báo lại cho E để E cho người (hiện chưa xác định được) đến nhận tại lễ tân của văn phòng Công ty S12.

Đối với dòng tiền chiếm đoạt được: Mỗi khách hàng sẽ được nhân viên chăm sóc khách hàng (S2) tạo cho một tài khoản trên website để đăng nhập, sau đó tải ứng dụng MT4, MT5 để tham gia chơi. Người chơi cần nạp tiền ký quỹ (tức là số tiền tối thiểu để đầu tư) rồi thực hiện lệnh "Buy" (mua theo chiều tăng), "Sell" (bán theo chiều giảm), tiền của khách chuyển vào được quy đổi thành Đô la Mỹ (USD). Tài khoản của khách hàng sẽ được bộ phận "Support" cung cấp cho nhân viên thông tin để có thể đăng nhập được vào tài khoản của khách với mục đích để theo dõi lịch sử thực hiện giao dịch, tình trạng tài khoản (tài khoản phụ này không thực hiện được các lệnh mua bán). Đối với mỗi lần khách chuyển tiền, nhân viên chăm sóc khách hàng (S2) sẽ gửi hình ảnh B1 chuyển tiền để Bộ phận S6 gửi cho nhóm "checkbill". Lúc này, Bộ sẽ truy cập vào đường link để kiểm tra tài khoản, nếu đã nhận được thì nhân viên checkbill sẽ xác nhận lên nhóm với Bộ phận S6 để báo lại với văn phòng. Đối với số tiền này, N1 chỉ đạo nhân viên Bộ phận Support nhắn cho bộ phận quản lý tài khoản ngân hàng (là các nhân viên thuộc nhóm Checkbill do Ái quản lý, được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm) để chuyển cho khách hàng tạo niềm tin (khi khách hàng có yêu cầu rút tiền về tài khoản, nhằm tạo niềm tin cho khách là sàn có tính thanh khoản nhanh) hoặc chuyển đến tài khoản khác do Phó Đức N1 yêu cầu. Các đối tượng "rửa tiền" bằng nhiều hình thức khác nhau, như: Sử dụng dịch vụ đổi tiền từ tài khoản thành tiền mặt, mua vàng tại các cửa hàng kinh doanh vàng, mua tiền điện tử USDT... Đối với số tiền chiếm đoạt được, các đối tượng sử dụng để duy trì hoạt động (mua sắm máy tính, điện thoại, trang thiết bị, thuê văn phòng...), thanh toán tiền lương, thưởng. Nhân viên S1 được trả lương 7.000.000/tháng + % doanh số; nếu doanh số dưới 100.000 USD sẽ được nhận hoa hồng 04% trên tổng doanh số, còn nếu trên 100.000 USD thì sẽ nhận hoa hồng 05% trên tổng doanh số (doanh số được tính bằng tổng số tiền khách nạp trừ đi tổng số tiền khách rút).

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã chứng minh được các bị can đã thực hiện 12 vụ lừa đảo chiếm đoạt được tổng số tiền là 11.125.793.906 đồng. Cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Bùi Trung Đ cùng Thái Anh Đ1, Nguyễn Văn L, Phạm Anh L1 và các đồng phạm thực hiện hành vi chiếm đoạt của bà Lê Thị Anh T (sinh năm 1959; trú tại số nhà F, ngõ B, phường G, quận H, thành phố Hà Nội) số tiền 6.770.184.271 đồng, được chuyển vào tài khoản số 317228 mở tại Ngân hàng A1 mang tên Công ty TNHH R, chuyển 24.000.000 đồng vào tài khoản số 1029417421 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH A2 thông qua sàn Z, vụ việc xảy ra tháng 10, 11/2022 và ngày 11/5/2023. Thời điểm tháng 10/2022, văn phòng của Công ty tại tòa nhà ở số A, đường N, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh do Thái Anh Đ1 (tức N) là Tổng quản lý. Đào trực tiếp quản lý nhóm (Team) do Nguyễn Văn L (tức Gia H) là tổ trưởng (Leader), gồm nhiều nhân viên, trong đó có Phạm Anh L1 (tức Hữu T1). Thông tin cá nhân của bà Lê Thị Anh T được Mai Thị Xuân C cung cấp cho Phạm Anh L1 thông qua Nguyễn Văn L. Sau khi có được thông tin, Phạm Anh L1 gọi điện thoại qua ứng dụng "Zoiper Free" (hiển thị số 0965517121) cho bà T và giới thiệu tên "Hữu Tài" là tư vấn viên của sàn giao dịch Z1, đang làm việc tại tòa nhà L B, thành phố Hồ Chí Minh. Phạm Anh L1 giới thiệu về đầu tư chứng khoán, các ưu đãi khi tham gia đầu tư như: khuyến mãi khi nạp tiền vào sàn (nạp 100 USD thì tiền trong sàn giao dịch là 200 USD), miễn phí tiền trong sàn khi qua ngày. Tin tưởng các thông tin do Phạm Anh L1 đưa ra là thật, bà T đồng ý tham gia mua bán chứng khoán. Phạm Anh L1 đề nghị bà T kết bạn qua tài khoản Telegram "Hữu Tài" (đăng ký bằng số +85571807362) để trao đổi. Phạm Anh L1 tạo tài khoản cho bà T trên sàn giao dịch Zenomarketcom và hướng dẫn tải ứng dụng MT5. Theo hướng dẫn của Phạm Anh L1, lần đầu bà T đồng ý nạp 20.014.848 đồng nên đã báo lên nhóm hỗ trợ nạp tiền thì được gửi thông tin tài khoản ACB số 317228 mang tên Công ty TNHH R. Bà T đã thực hiện giao dịch chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng này thì tài khoản MT5 của bà T đã tăng lên tương ứng. Trong quá trình làm việc, Nguyễn Văn L đã chia sẻ cho Phạm Anh L1 cách để lừa bà T tiếp tục chuyển tiền. Phạm Anh L1 vào các nhóm trên mạng xã hội Facebook để xem mọi người đăng trên đó mã nào tăng, giảm thì L1 báo cho bà T để tiếp tục nạp tiền, đầu tư. Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 07/11/2022, bà T đã thực hiện 17 giao dịch chuyển tổng cộng 6.824.259.792 đồng vào tài khoản số 317228 mang tên Công ty TNHH R mở tại Ngân hàng A1. Thời gian đầu, bà T chơi theo các mã nhỏ và rút được 03 lần vào ngày 27/10/2022 và 04/11/2022 với tổng số tiền 54.075.521 đồng. Tuy nhiên các lần sau đó, bà T đều bị thua và âm tiền. Phạm Anh L1 nói với bà T là nếu không nạp thêm tiền vào thì tài khoản sẽ bị "cháy", mất tài khoản. Để tạo niềm tin, Phạm Anh L1 tiếp tục đưa ra các thông tin giả là bản thân sẽ góp vốn cùng bà T để đầu tư nhưng thực tế là L1 không bỏ tiền mà chỉ báo lên nhóm cho bộ phận hỗ trợ biết để bộ phận hỗ trợ nạp tiền thực hiện việc tăng số tiền trong tài khoản MT5 của bà T. Đến khi bà T không chuyển tiền vào Công ty, có dấu hiệu không còn tin tưởng Phạm Anh L1, yêu cầu Công ty phải trả lại tiền đầu tư, thì Phạm Anh L1 đã nói

với Thái Anh Đ1 để Đ1 phân công Nguyễn Văn L vào nói chuyện, tiếp cận với bà T nhằm mục đích xây dựng lại niềm tin, yêu cầu bà T chuyển tiền. Do tin tưởng vào những thông tin Nguyễn Văn L đưa ra nên ngày 11/5/2023, bà T tiếp tục thực hiện giao dịch chuyển 24.000.000 đồng đến tài khoản V1 số 1029417421 mang tên Công ty TNHH A2. Sau khi nhận được tiền do bà T chuyển, các đối tượng sử dụng tài khoản số 317228 mang tên Công ty TNHH R mở tại Ngân hàng A1 chuyển đến 02 tài khoản F2, gồm chuyển 7.530.000.000 đồng đến tài khoản số 23374877 mang tên Nguyễn Đỗ Hà M mở tại Ngân hàng A1, chuyển 2.800.000.000 đồng đến tài khoản số 101875427847 mang tên Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1974; trú tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên) mở tại Ngân hàng V2. Từ tài khoản F2 mang tên Nguyễn Đỗ Hà M (sinh năm 1991; trú tại khu phố E, đường N, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận) chuyển tiền đến các tài khoản F3, gồm: Tài khoản số 31938868 mở tại Ngân hàng A1 mang tên Nguyễn Trần Đức P (sinh năm 1993; trú tại số nhà A", B, phường H, quận D, thành phố Hồ Chí Minh), tài khoản số 15098868 mở tại Ngân hàng A1 mang tên Nguyễn Trần Bảo P1 (sinh năm 1988, trú tại số nhà A B, phường H, quận D, thành phố Hồ Chí Minh), tài khoản số 27617137 mở tại Ngân hàng A1 mang tên Hoàng Hải V (sinh năm 1984; trú tại số nhà A, ngõ A, phố T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội), tài khoản số 0811020523099 mở tại Ngân hàng A3 mang tên Vũ Ngọc A (sinh năm 1986; trú tại xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ), tài khoản số 19037285660035 mở tại Ngân hàng T3 mang tên Đàm Mạnh Q (sinh năm 1994; trú tại thôn G, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên), tài khoản số 108975428248 mở tại Ngân hàng V2 mang tên Trịnh Thị Mỹ D (sinh năm 1964; trú tại phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận). Từ tài khoản F2 mang tên Nguyễn Văn T2, các đối tượng chuyển tiền đến các tài khoản F3, gồm: Tài khoản số 000914255705665 mở tại Ngân hàng V3 mang tên "9PAY-B1706" và tài khoản số 106877047848 mở tại Ngân hàng V2 - Chi nhánh Đ2, phòng G mang tên HOANG DUNG, rồi chiếm đoạt. Tổng số tiền bà T bị chiếm đoạt là 6.770.184.271 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, ông Bùi Đức D1 (sinh năm 1962; trú tại xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; là bố của bị can Bùi Trung Đ), bà Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1976; trú tại phòng T - 1507, L, chung cư E, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; là mẹ của bị can Thái Anh Đ1) đã bồi thường cho bà Lê Thị Anh T số tiền 1.800.000.000 đồng và nộp số tiền 2.000.000.000 đồng để khắc phục hậu quả xảy ra. Bà T yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 4.970.184.271 đồng.

2. Vụ thứ hai: Phạm Anh L (tức Hữu T) và đối tượng sử dụng tài khoản Zalo Ngọc M (hiện chưa xác định được) cùng đồng phạm chiếm đoạt của chị Trần Thị Thùy L1 (sinh năm 1984; trú tại số nhà E, đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) số tiền 3.231.691.339 đồng, được chuyển vào tài khoản số 28738287 mở tại Ngân hàng A mang tên Công ty TNHH T1, tài khoản số 0811020234016 ở tại Ngân hàng: A1 và tài khoản số 1029417421 mở tại Ngân

hàng V1 cùng mang tên Công ty TNHH A2 thông qua sàn Londonex, vụ việc xảy ra từ ngày 13/3/2023 đến 24/3/2023. Ngày 13/3/2023, đối tượng sử dụng số điện thoại 0917541584 gọi cho chị Trần Thị Thùy L1 giới thiệu là nhân viên của Công ty có trụ sở tại Tòa nhà B, thành phố Hồ Chí Minh, mời chị L1 tham gia đầu tư vào sàn chứng khoán Londonex. Sau đó, đối tượng sử dụng tài khoản Z "Ngọc M" kết bạn với chị L1 giới thiệu về sàn Londonex là nhà môi giới được cấp phép bởi cơ quan tài chính hàng đầu thế giới S và G (SVG).., gửi hình ảnh của những khách tham gia đầu tư trước đã có lãi khi được chuyên gia hỗ trợ. Tin tưởng vào những thông tin do "Ngọc M" đưa ra, chị L1 đồng ý tham gia. Theo sự hướng dẫn của "Ngọc M", chị L1 đăng ký tài khoản trên sàn là 10009147, tải ứng dụng MT5 và được tư vấn mua 1000 cổ phiếu R với số tiền 350.000.000 đồng. Chị L1 thực hiện 02 giao dịch chuyển 60.000.000 đồng và 295.800.000 đồng đến tài khoản số 28738287 mở tại Ngân hàng A mang tên Công ty TNHH T1. "Ngọc M" đưa ra gói 30.000 USD thì được hỗ trợ Bonus 30% cho khách hàng mới tham gia lần đầu (tiền Bonus này để hỗ trợ mua thêm có phiếu, có lãi thì mới được rút tiền lãi còn không rút được tiền B). Khi chị L1 nói không đủ tiền thì "Ngọc M" báo cứ đăng ký trước để tránh khách khác lấy. Buổi tối, "Ngọc M" nhắn tin "Em có nhờ anh Hữu T kỹ thuật chuyên hỗ trợ khách tài khoản Vip để hỗ trợ cho chị, tại anh này cũng hay hỗ trợ khách lâu năm của em". Trong khi đó, thông tin cá nhân của chị L1 được "Selina" giao cho nhóm chăm sóc khách hàng do Thái Anh Đ phụ trách, phân công cho Phạm Anh L liên hệ để dụ dỗ. Phạm Anh L sử dụng số điện thoại 0945729665 gọi cho chị L1, giới thiệu tên là Nguyễn Hữu T, chuyên gia tư vấn đầu tư chứng khoán L2, là kỹ thuật viên chuyên hỗ trợ khách có tài khoản VIP, sử dụng tài khoản Telegram "Hữu Tài Nguyễn" (đăng ký bằng số điện thoại "+855718073620") kết bạn với chị L1. Ngày 15/3/2023, Phạm Anh L hướng dẫn chị L1 lựa chọn gói nạp 100.000 USD được Bonus 100% và sẽ cho chị L1 vào nhóm V (là nhóm được ưu tiên tư vấn). Chị L1 thực hiện 04 giao dịch chuyển tổng cộng 240.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng A3 số 0811020234016 mang tên AMBROSE. Phạm Anh L gửi cho chị L1 hình ảnh 02 Hóa đơn chuyển tiền của khách vào tài khoản Ngân hàng V1 số 1031327764 tên Công ty TNHH T1 số tiền 1.500.000.000 đồng, chuyển 475.130.880 đồng vào tài khoản số 0811020340019 mang tên Công ty TNHH S1 mở tại Ngân hàng A1. Để tạo lòng tin, sàn chứng khoán này có thể rút được tiền, ngày 16/3/2023, Phạm Anh L hướng dẫn chị L1 rút được 9.375.934 đồng. Khi thấy chị L1 đã hoàn toàn tin tưởng, Phạm Anh L nhắn tin mời chị L1 tham gia gói 200.000 USD (tương đương khoảng 5.000.000.000 đồng). Từ ngày 17/3/2023 đến ngày 24/3/2023, chị L1 đã thực hiện các giao dịch chuyển tổng cộng 700.000.000 đồng đến tài khoản số 28738287 mở tại Ngân hàng A mang tên Công ty TNHH T1, chuyển 1.695.891.339 đồng đến tài khoản số 1029417421 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH A2. Phạm Anh L tiếp tục tư vấn cho chị L1 lựa chọn đầu tư (đặt lệnh Buy/Sell các mã như: Ger30...), hàng ngày hỏi thăm, quan tâm để tạo niềm tin. Có lần chị L1 được tiền lãi vượt mức 550.000 USD và muốn rút ra

100.000 USD để trả nợ nhưng Phạm Anh L tự đưa ra lý do chị L1 đặt sai một lệnh nên tiền ký quỹ bị âm, không rút được tiền, nếu muốn rút được tiền thì phải nạp 7.000.000.000 đồng để nâng tiền ký quỹ. Do đó ngày 24/3/2023, chị L1 thực hiện 02 giao dịch chuyển tổng cộng 240.000.000 đồng đến tài khoản số 1029417421 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH A2 nhưng vẫn không thực hiện rút được tiền. Khi chị L1 đưa các thông tin nghi ngờ bị lừa đảo, yêu cầu gặp trực tiếp "Hữu Tài" và "Ngọc M" thì Phạm Anh L từ chối và không liên lạc với chị L1 nữa.

Trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị L1 yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 3.231.691.339 đồng.

3. Vụ thứ ba: Đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Đức Mạnh" (hiện chưa xác định được) và Nguyễn Văn L (tức Gia H) cùng đồng phạm chiếm đoạt của anh Nguyễn Việt H1 (sinh năm 1982; trú tại số nhà B, đường G, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội) số tiền 25.000.000 đồng, được chuyển vào tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V mang tên Công ty TNHH T1 thông qua sàn L2, vụ việc xảy ra ngày 17/5/2023. Ngày 20/4/2023, đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Đức Mạnh" kết bạn và nói chuyện với anh Nguyễn Việt H1, giới thiệu về sàn chứng khoán L1, "Đức Mạnh" và mời anh H1 tham gia đầu tư vào sàn qua ứng dụng MT5, nếu anh H1 tham gia thì "Đức Mạnh" sẽ góp vốn cùng "Đức Mạnh" giới thiệu văn phòng chính của Công ty ở Đà Nẵng, ngoài ra có cả văn phòng ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi anh H1 đồng ý, "Đức Mạnh" hướng dẫn anh H1 tạo tài khoản "10013082" trên trang web Londonexcom thì tài khoản được thưởng tiền để chơi thử khi đăng nhập tài khoản liên tục trong 03 ngày. Anh H1 chơi thua hết thì được "Đức M" tư vấn nạp tiền vào tài khoản MT5 bằng cách chuyển tiền vào tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V mang tên Công ty TNHH T1. Ngày 17/5/2023, anh H1 thực hiện giao dịch chuyển 25.000.000 đồng đến số tài khoản V mang tên Công ty TNHH T1 với nội dung "Lima23P 80 MT5 10013082", đề nghị "Đức Mạnh" cho chuyên gia tư vấn để đầu tư chắc chắn có lợi nhuận. Sau đó, "Selina" phân công cho nhóm của Thái Anh Đ để chăm sóc, tư vấn anh H1, trực tiếp là Nguyễn Văn L. Nguyễn Văn L sử dụng ứng dụng Zoiper (đăng ký bằng số điện thoại 0945728773), giới thiệu tên Gia H là chuyên gia hướng dẫn các khách chơi trên sàn Londonex được phân công để tư vấn cho anh H1 đầu tư đảm bảo có lợi nhuận cao. Sau đó, Nguyễn Văn L sử dụng tài khoản T "Gia Huy" (tên đăng nhập: @Giahuy9300) kết bạn với anh H1 để đưa các thông tin khiến anh H1 tin tưởng hơn. Do anh H1 là khách đã từng đầu tư ở các sàn khác, do vậy Nguyễn Văn L liên tục cập nhật thông tin thị trường, phân bổ nguồn vốn thành nhiều phần khác nhau khi mua cổ phiếu, để khách làm chủ tài khoản... như lấy thông tin trên mạng internet (không được kiểm chứng) về các chỉ số như "BNP 100CP", "giá dầu", "Nas100", giá vàng... để cho anh H1 hiểu là Nguyễn Văn L có kiến thức chuyên sâu, hiểu biết về lĩnh vực đầu tư cổ phiếu. Tuy nhiên, anh H1 tham gia đầu tư đã thua hết số tiền nạp ban đầu.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Việt H1 yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 25.000.000 đồng.

4. Vụ thứ tư: Hồ Ngọc N (tức Thành Đ), Hoàng Thị Mỹ H (tức Phương L) cùng đồng phạm chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hương D (sinh năm 1972; trú tại phường T, quận N, Hà Nội) số tiền 135.000.000 đồng, được chuyển vào tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V mang tên Công ty TNHH T thông qua sàn CHMarketscom, vụ việc xảy ra từ ngày 03/3/2023 đến ngày 13/3/2023. Đầu tháng 02/2023, thông tin của bà Nguyễn Thị Hương D được Mai Thị Xuân C giao cho Thái Anh Đ1 rồi phân cho Trần Vũ Trọng Đ2 (tức "Hải Nam"). Trần Vũ Trọng Đ2 gọi điện rồi sử dụng Z "H" kết bạn với bà D để mời bà D tham gia đầu tư vào sàn "CH Market" thông qua ứng dụng MT5. Sau khi hướng dẫn bà D tạo tài khoản, Trần Vũ Trọng Đ2 chuyển thông tin cá nhân của bà D cho nhóm của Hồ Ngọc N (tức Thành Đ). Ngày 03/3/2023, Hồ Ngọc N sử dụng ứng dụng Zoiper (hiển thị số điện thoại 02888837499) gọi điện với bà D, giới thiệu tên là Thành Đ làm tại sàn C, nhận hỗ trợ bà D trong suốt quá trình đầu tư. Nguyên chuyển thông tin tài khoản của Công ty để bà D chuyển tiền là tài khoản số 1031327764 mang tên Công ty TNHH T mở tại Ngân hàng V. Do bà D chần chừ, không nghe điện thoại nên N đã chuyển thông tin và yêu cầu nhân viên trong nhóm là Hoàng Thị Mỹ H liên lạc, để báo tài khoản của bà D đang báo đỏ, gặp nguy hiểm. Biết bà D đang bị N lừa đảo, trong khi N là nhóm trưởng nên H đồng ý. H sử dụng tài khoản Telegram "Phương Ly" gọi liên tục cho đến khi bà D nghe máy, H thông báo tài khoản của bà D đang báo đỏ đề nghị chị D liên lạc với chuyên viên "Thành Đạt" để được hướng dẫn, tránh bị khóa tài khoản. Khi liên lạc được với bà D, N đã đưa ra khuyến mãi (B) là 50% để bà D nạp thêm tiền vào sàn. Lúc đó, bà D nạp thêm 1000 USD thì thấy tài khoản được tặng thêm 500 USD. Bà D đã gửi ảnh chuyển tiền thành công đến tài khoản Telegram "Phương Ly" và "Thành Đạt". Nguyên tiếp tục hướng dẫn bà D mua tiếp hết số tiền trong tài khoản các mã gồm vàng (XAUUSD), bạc (XAGUSD), dầu (USOIL) để tài khoản âm, cũng có trường hợp mã đó lãi thì hướng dẫn bà D bán tuy nhiên sẽ mua lại luôn, cứ như vậy thì sẽ đến thời điểm mã đó âm. Lúc này, tài khoản của bà D lại ở mức rủi ro. N tiếp tục tư vấn để bà D nạp tiền và đưa khuyến mãi 50% nên bà D nạp thêm 03 lần tiền lần lượt là 2000 USD, 500 USD và 2000 USD. Tổng số tiền tài khoản bà D đã nạp là 5500 USD (bằng hình thức chuyển 135.000.000 đồng vào tài khoản số 1031327764, chủ tài khoản là Công ty TNHH T1 mở tại Ngân hàng V). Vẫn với cách thức trên, N hướng dẫn bà D mua các mã gồm vàng (XAUUSD), bạc (XAGUSD), dầu (USOIL) sau đó tài khoản bà D tiếp tục âm không còn khả năng nạp thêm tiền do đó bị "cháy". Tổng số tiền bà D đã chuyển vào tài khoản V mang tên Công ty TNHH T và bị chiếm đoạt là 135.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Hương D yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 135.000.000 đồng.

5. Vụ thứ năm: Hoàng Thị Mỹ H (tức Phương L) cùng đồng phạm chiếm đoạt số tiền 243.347.200 đồng của anh Nguyễn Đức A (sinh năm 1982; trú tại cụm H, thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội). Trong đó có 219.347.200 đồng chuyển vào tài khoản số 231366 mở tại Ngân hàng A2 mang tên Công ty TNHH A3 và 24.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty T6 tư vấn DVA thông qua sàn C3, vụ việc xảy ra từ tháng 12/2022 đến 24/4/2023. Tháng 12/2022, anh Nguyễn Đức A được các đối tượng sử dụng Zalo "Nguyễn Quang T", tài khoản T1 "Trần Quốc T2", tài khoản Telegram "Thế Phong" (hiện chưa xác định được) giới thiệu, mời tham gia đầu tư sàn Zeno Market trên ứng dụng MT5. Từ ngày 07/12/2022 đến ngày 18/02/2023, anh Đức A đã thực hiện giao dịch chuyển tổng cộng 214.021.453 đồng đến tài khoản số 231366 mở tại Ngân hàng A2 mang tên Công ty TNHH A3 để tham gia đầu tư chứng khoán trên sàn ZenoMarket nhưng đều thua hết. Ngày 13/02/2023, anh Đức A được đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "C" (hiện chưa xác định được) kết bạn, giới thiệu mời tham gia đầu tư vào sàn CHMarket trên ứng dụng MT5. Sau khi tạo tài khoản, ngày 24/4/2023, anh Đức A chuyển số tiền 24.000.000 đồng đến tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH T7 để đầu tư. Thông tin cá nhân của anh Đức A, gồm: Số điện thoại 0976306879, mã ID 7020089 trên sàn CH market được Mai Thị Xuân C1 gửi cho nhóm của Hồ Ngọc N, N phân công Hoàng Thị Mỹ H "chăm sóc" anh Đức A. H sử dụng ứng dụng Zoiper Free gọi điện cho anh Đức A, giới thiệu tên là "Phương Ly" tư vấn viên của sàn giao dịch CH market. Do anh Đức A là khách hàng đã có kinh nghiệm nên H chỉ giới thiệu về đầu tư chứng khoán, các ưu đãi khi tham gia đầu tư như khuyến mãi 50% khi nạp tiền vào sàn (nạp 100 USD thì tiền trong sàn giao dịch là 150 USD). H được bộ phận "Support" cấp cho "Pass View" để theo dõi quá trình chơi thì phát hiện thấy Đức A đang quan tâm đầu tư vàng và cổ phiếu. Khi thấy tài khoản của anh Đức A đã báo đỏ thì H cảnh báo rủi ro cho anh Đức A nhưng anh Đức A tiếp tục đặt lệnh nhưng không nạp thêm tiền. H khuyên anh Đức A cần nạp thêm tiền để giữ tài khoản nhưng anh Đức A không đồng ý dẫn đến việc tài khoản của anh Đức A bị thua hết tiền.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đức A yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 243.247.200 đồng.

6. Vụ thứ sáu: Nguyễn Thị Diệu H1 (T) cùng đồng phạm chiếm đoạt của ông Lê Văn H2 (sinh năm 1975; trú tại căn hộ 510 N9 TT212, tổ T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội) số tiền 143.432.442 đồng, được chuyển vào tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH T7 và tài khoản số 1020442030 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty Cổ phần 9PAY thông qua sàn CHMarketscom, vụ việc xảy ra tháng 3 - 5/2023. Ngày 17/3/2023, Mai Thị Xuân C1 (tức S) gửi thông tin khách hàng Lê Văn H2, số điện thoại 0985610974, ID 7018401, địa chỉ Email huyhvp2@gmailcom, tài khoản đã có 500 USD và một số thông tin khác của khách vào nhóm S1 "Remaster Hải

Nam", do Trần Vũ Trọng Đ là nhóm trưởng. Thái Anh Đ1 (tài khoản K) giao khách hàng Lê Văn H2 cho Nguyễn Thị Diệu H1 (tức Tiểu V). H1 sử dụng ứng dụng Zoiper gọi điện thoại cho ông Lê Văn H2 để xác nhận thông tin, giới thiệu mình là người hướng dẫn ông H2 đầu tư. Sau đó, H1 sử dụng tài khoản Telegram "Tiểu Vy" (ID: @Tvy9179; số điện thoại đăng ký 0924708180) để liên lạc, tư vấn cho ông H2 tham gia đầu tư vào sàn CH Market. Ngày 20/3/2023, ông H2 tạo tài khoản mới ID 7018530 để đầu tư. Ngày 24/3/2023, ông H2 thực hiện giao dịch chuyển 24.000.000 đồng đến tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH T7 (tương đương 1.000 USD). H1 lấy các thông tin trên mạng internet về tình hình thị trường gửi cho ông H2, khi ông H2 hỏi có mã cổ phiếu nào sắp chia cổ tức thì H1 lấy ngẫu nhiên một bảng cập nhật tình cổ phiếu, hướng dẫn ông H2 đặt lệnh Sell tiền tệ EUR/USD, GBP/JPY nhưng bị lỗ. H1 tiếp tục hướng dẫn ông H2 nạp tiền vào tài khoản để cứu tài khoản. Từ ngày 12/4/2023 đến 18/5/2023, ông H2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền khoảng 140.000.000 đồng đến tài khoản số 1031327764 mở tại V1 mang tên Công ty TNHH T7 và tài khoản số 1020442030 mở tại V1 mang tên Công ty Cổ phần I. H1 thường xuyên cập nhật tình hình thị trường, phân tích hướng dẫn ông H2 tham gia mua các cổ phiếu, loại tiền tệ. Quá trình đầu tư, ông H2 đặt lệnh rút tiền, thì tài khoản Signal Lucian (thuộc bộ phận "Support") báo lại. Ngoài ra trong quá trình đầu tư tài khoản trên, tài khoản ông H2 bị cháy, ông H2 có báo lại là muốn "Reset" lại tài khoản, H1 đã nhắn tin báo lại cho "Lucian" thì sau đó tài khoản của ông H2 lại trở lại trạng thái ban đầu, không có tiền trong tài khoản, ông H2 lại nạp tiền để tiếp tục đầu tư. Tổng số tiền ông H2 bị chiếm đoạt là 143.432.442 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn H2 yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 143.432.442 đồng.

7. Vụ thứ bảy: Trần Vũ Trọng Đ (tức H) cùng đồng phạm chiếm đoạt của chị Vũ Thị Thu H3 (sinh năm 1985; trú tại tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) số tiền 299.000.000 đồng, được chuyển vào tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH T7 thông qua sàn C3, vụ việc xảy ra vào tháng 4 - 5/2023. Đầu năm 2022, thông qua mạng xã hội Zalo, chị Vũ Thị Thu H3 quen biết và kết bạn với đối tượng sử dụng tài khoản "Việt Anh". Sau đó, chị H3 được vào nhóm Z "Phố Walt" để trao đổi thông tin liên quan đến việc đầu tư ngoại hối trên sàn chứng khoán qua ứng dụng MT5. Ngày 15/4/2023, trong nhóm Z "Phố Walt" có tài khoản "Victor N1" nhắn tin mời chị H3 tham gia đầu tư vào thị trường tài chính. Chị H3 liên hệ thì được "Việt Anh" tạo tài khoản 7019705 trên sàn CHMarket. Ngày 17/4/2023, chị H3 chuyển 27.000.000 đồng đến tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH T7, tài khoản trên sàn tăng lên số tiền tương ứng là 1.142,61 USD. Theo sự hướng dẫn của các đối tượng, chị H3 vào ứng dụng MT5 đặt lệnh "Sell by market" hoặc "Buy by market", Lệnh đầu tiên chị H3 đặt là Sell 0.1 XAUUSD thì thấy lợi nhuận 100,40 USD. Thấy đầu tư có lợi nhuận

nên chị H3 tiếp tục đầu tư và nạp thêm 92.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng mang tên Công ty TNHH T7 nhưng khi chơi tiếp thì bị thua lỗ hết. Thông tin của chị Vũ Thị Thu H3 được Mai Thị Xuân C1 (tức S) gửi vào nhóm "remaster H4" do Trần Vũ Trọng Đ (tức Hải Nam) làm nhóm trưởng. Khi thấy thông tin chị H3 là khách hàng đang đầu tư, tình trạng tài khoản đang bị thua lỗ tại sàn C, chủ tài khoản không còn tin tưởng theo sự hướng dẫn của nhân viên. Đối tượng sử dụng tài khoản "Lucia" (hiện chưa xác định được) gửi cho Trần Vũ Trọng Đ thông tin tài khoản "Pass View" của chị H3, khi phát hiện thấy tài khoản của chị H3 đang trong trạng thái bị lỗ chuẩn bị cháy tài khoản, do bản thân có kinh nghiệm xử lý nên trực tiếp Đ thực hiện việc dụ dỗ chị H3. Đ sử dụng ứng dụng Zoiper được cài đặt gắn với số điện thoại 0945728455 gọi điện cho chị H3, giới thiệu tên là Hải N2 là nhân viên tư vấn của sàn C2, sau đó sử dụng tài khoản Telegram "Hải Nam" (đăng kí bằng số 0568425515) để tiếp tục nhắn tin với chị H3. Quá trình nói chuyện, Đ đưa ra các thông tin tích cực, lạc quan, sẽ đồng hành cùng chị H3 khi giao dịch để đạt được lợi nhuận, sẽ xin thêm tiền khuyến mại, cùng góp tiền vốn với chị H3 để cùng giao dịch nhằm mục đích khiến chị H3 tin tưởng nạp tiếp tiền vào tài khoản. Tin tưởng vào những thông tin Đ đưa ra, chị H3 đồng ý nạp tiếp tiền đầu tư tại sàn C. Tài khoản trước của chị H3 đang giao dịch tại sàn trong trại thái bị âm tài khoản là 28.000 USD tương đương khoảng 644.000.000 đồng nên chị H3 đã đề nghị Đ tạo tài khoản mới để giao dịch lại. Đ tạo tài khoản là 7020497, mật khẩu Huyen123, đăng ký địa chỉ Email: hv281085@gmailcom, rồi nhắn cho tài khoản "Lucia" để xin thông tin truy cập tài khoản "Pass View" đối với tài khoản mới này. Từ ngày 17/4/2023 đến ngày 05/5/2023, chị H3 đã chuyển tổng số tiền 299.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Công ty TNHH T7, cụ thể: Ngày 14/4/2023, chị H3 nạp số tiền 27.000.000 đồng (khoảng 1.150USD là số dư hiển thị trên ứng dụng MT5). Sau đó, Đ hướng dẫn chị H3 thực hiện lệnh đầu tiên đặt là Sell 0.1 XAUUSD (vàng) thì thấy lợi nhuận 100,40 USD. Tin tưởng vào sự tư vấn của Đ, chị H3 tiếp tục thực hiện đặt các lệnh giao dịch hàng hoá vàng nên bị âm tài khoản. Đ tiếp tục bảo chị H3 nạp thêm nhiều lần tiền vào tài khoản để gồng lỗ các lệnh đang giao dịch bị âm tránh bị cháy tài khoản. Tuy nhiên, khi tài khoản chị H3 tiếp tục chơi thua, bị âm thì Đ căn cứ theo bảng tiền B được Công ty quy định là đối với số tiền Bonus dành cho khách nạp tiền (tài khoản nạp từ 1.000$ đến 5.000 $ thì sẽ được B số tiền tương đương 50% số tiền đã nạp, từ 5.000$ trở lên thì được Bonus 100% số tiền đã nạp), Đ đưa ra thông tin giả về việc nếu chị H3 nạp tiền tiếp thì Đ sẽ góp vốn cùng giao dịch nhưng bản chất số tiền này là tiền Bonus chị H3 được hưởng khi nạp tiền vào tài khoản (tiền Bonus này theo nhận thức của Đ là do bộ phận kỹ thuật điều chỉnh được). Khi tài khoản của chị H3 tiếp tục bị âm, Đ yêu cầu chị H3 nạp thêm tiền vào tài khoản để hồi lệnh rồi sẽ rút được tiền ra. Nhưng chị H3 không có tiền để nạp. Tổng số tiền chị H3 bị chiếm đoạt là 299.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Thu H3 yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 299.000.000 đồng.

8. Vụ thứ tám: Cao Thị Diệu S2 (tức Bảo A1) cùng đồng phạm chiếm đoạt của anh Trịnh Văn T3 (sinh năm 1996; trú tại phòng 2001, CT1, đường N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội) số tiền 24.733.100 đồng, được chuyển tiền vào tài khoản số 1030943887 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH U thông qua sàn LPLTradecom, vụ việc xảy ra tháng 05/2023. Ngày 31/3/2023, đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Phạm Trần Thanh N3" kết bạn với anh Trịnh Văn T3 và gửi đường link https//zalome/g/lidjxu176 dẫn tới nhóm chat "Hạnh V7 Học Hỏi Kiến Thức 0905334142" do tài khoản "Mrs Hạnh Trương" là T4 nhóm. Tại nhóm chat, trưởng nhóm và phó nhóm thường xuyên đăng các thông tin về các loại chứng khoán để kêu gọi các thành viên trong nhóm đầu tư. "Phạm Trần Thanh N3" hướng dẫn anh T3 tạo tài khoản trên sàn LPLcom, tải ứng dụng MT4 để tham gia đầu tư. Ngày 25/4/2023, anh T3 chuyển 500.000 đồng vào tài khoản số 1030943887 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH U, tài khoản trên ứng dụng MT4 hiển thị 20 USD. Sau đó, "Phạm Trần Thanh N3" tiếp tục hướng dẫn anh T3 cách rút tiền ra bằng cách truy cập đường link wwwlpltradecom cùng mật mã "MSCBVNVX", nhập thông tin tài khoản ngân hàng nhận tiền và số tiền muốn rút. Anh T5 làm theo hướng dẫn, thực hiện rút 10 USD ra và tài khoản ngân hàng của anh T5 nhận được số tiền 230.000 đồng nên tin tưởng vào tính thanh khoản của sàn giao dịch. Thông tin của anh Trịnh Văn T3 được Mai Thị Xuân C1 (tức "Selina") gửi cho nhóm do Thái Anh Đ1 phụ trách, Đ1 giao lại cho Cao Thị Diệu S2 (tức Bảo A1). S2 sử dụng phần mềm "Zoiper Free" gọi điện cho anh T3 rồi sử dụng tài khoản Telegram "Bảo Anh" (đăng ký bằng số điện thoại: +84 587721357; ID: @baoanh7268) kết bạn và tiến hành dụ dỗ. Sương lấy các thông tin các mã cổ phiếu, thông tin về xu hướng lên xuống của cổ phiếu trên mạng internet rồi gửi cho anh T3, như mua cổ phiếu của Công ty V2, mã vàng /USD. Khi anh T3 đầu tư 02 mã trên thì có lãi khoảng gần 200 USD. S2 tiếp tục tư vấn cho anh T3 bằng nhiều cách như: Lấy các biên lai chuyển tiền với khối lượng lớn (vài tỉ đồng) để gửi cho anh T3 tạo sự tin tưởng về việc có nhà đầu tư lớn (các biên lai do bộ phận S3 đưa lên nhóm chung để nhân viên gửi cho khách), đưa ra các mã cổ phiếu có xu hướng lãi để anh T3 đi một số lệnh nhỏ, có lãi (như BMW, VOLKSWAGEN, ALLIANZ, XAUUSD)... Do tin tưởng việc đầu tư theo hướng dẫn của S2 nên ngày 07 và 11/5/2023, anh T3 chuyển tổng cộng 24.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Công ty TNHH U. Thấy anh T3 đang tin mã cổ phiếu này, nên S2 tiếp tục tư vấn cho anh T3 đầu tư các mã cổ phiếu trên. Ngày 12/5/2023, anh T3 rút tiền lãi khoảng 50 USD (tương ứng 1.163.500 đồng) về tài khoản ngân hàng của mình. Sau khi anh T3 đầu tư thì có lãi trong tài khoản, tuy nhiên các lệnh trạng thái bằng với số dư nên bị treo tài khoản. S2 gọi điện thoại tư vấn cho anh T3 nạp thêm khoảng 5.700 USD vào tài khoản để có thể thực hiện tiếp các lệnh giao dịch để có thể rút số tiền gốc trước đó đã nạp

và lãi ra nhưng anh T3 nói hiện tại không có tiền và chấp nhận để tài khoản bị treo. Tổng số tiền anh T3 bị chiếm đoạt là 24.500.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Anh Trịnh Văn T3 yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 24.733.100 đồng.

9. Vụ thứ chín: Phan Đức H (tức "Hoàng P") cùng đồng phạm chiếm đoạt của chị Vũ Thị Hải N (sinh năm 1980; trú tại số nhà C, ngõ A, phố H, phường V, quận L, thành phố Hà Nội) số tiền 24.000.000 đồng, được chuyển vào tài khoản Ngân hàng V1 số 1031476369 mang tên Công ty TNHH S1 thông qua sàn LPLTradecom, vụ việc xảy ra tháng 02/2023. Tháng 01/2023, chị N được một đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Hoài Nhân" kết bạn và nhắn tin mời chị N đầu tư vào sàn giao dịch chứng khoán LPLTradecom. Đối tượng hướng dẫn chị N đăng ký mở tài khoản "396268" và tải ứng dụng MT4 để thực hiện đầu tư chứng khoán trên . Ngày 07/02/2023 theo sự hướng dẫn của "Hoài Nhân", chị N chuyển 12.000.000 đồng từ tài khoản số 00439525001 mở tại Ngân hàng T6 mang tên Vũ Thị Hải N đến tài khoản số 1031476369 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH S1 để nạp tiền vào tài khoản của trên sàn và bắt đầu đầu tư. Sau đó, "Hoài Nhân" gọi điện giới thiệu Phan Đức H (tức Hoàng P) là chuyên gia sẽ "chăm sóc, hướng dẫn" cho chị N đầu tư. H sử dụng tài khoản Telegram "Hoàng P" kết bạn với chị N rồi nhắn tin, gọi điện tư vấn đầu tư. Theo tư vấn của H, chị N đã chuyển khoản thêm 02 lần vào ngày 07 và 12/3/2023, mỗi lần 12.000.000 đồng (tương đương 500 USD) đến tài khoản số 1031476369 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH S1. Sau khi chuyển khoản, tài khoản của chị N trên sàn nhận được số tiền tương ứng và tham gia đầu tư, thực hiện các giao dịch theo hướng dẫn của H. Sau vài lần thực hiện lệnh giao dịch, chị N bị thua chỉ còn 500 USD trong tài khoản. Chị N muốn rút tiền về tài khoản thì H nói chị N phải tiếp tục chuyển thêm tiền vào thì mới có thể rút tiền ra. Chị N không thực hiện theo và không tiếp tục tham gia đầu tư nữa. Đối tượng sử dụng số điện thoại 0945709445 liên tục gọi điện, dụ dỗ chị N nạp tiền để đầu tư nhưng chị N không thực hiện và cũng không rút được tiền ra. Tổng số tiền chị N bị chiếm đoạt là 24.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Hải N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 24.000.000 đồng.

10. Vụ thứ mười: Lê Thị Mỹ H1 (tức "Thảo Nguyên") cùng đồng phạm chiếm đoạt của ông Nguyễn Hoài N1 (sinh năm 1974; trú tại số nhà F, thôn C, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội) số tiền 191.850.000 đồng, chuyển vào tài khoản số 1030943887 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH U thông qua sàn L4, vụ việc xảy ra từ ngày 20/4/2023 đến ngày 18/5/2023. Ngày 20/4/2023, thông tin cá nhân của ông Nguyễn Hoài N1 (làm kinh doanh, chưa có kinh nghiệm, đã hướng dẫn đăng nhập và cách mua/bán, tư vấn khách mua Mercedes, khách thấy tăng tốt nên vào vốn) được Mai Thị Xuân C giao cho nhóm của Lê Thị Mỹ H1 liên hệ dụ dỗ đầu tư. H1 sử dụng ứng dụng Zoiper (số

điện thoại 0945707271) gọi cho ông N1, giới thiệu tên là Thảo N2 là nhân viên giao dịch chứng khoán ngoại hối "LPL". Sau đó, H1 sử dụng tài khoản Telegram "Thảo Nguyên" (ID @Thaonguyenck) kết bạn và nhắn tin mời ông N1 tham gia đầu tư trên sàn giao dịch, ông N1 đồng ý. H1 hướng dẫn ông N1 tải ứng dụng MT4, đăng ký mở tài khoản "408641" pass: 9E4LM3xA và cách đặt lệnh "buy/sell". Từ ngày 20/4/2023 đến ngày 18/5/2023, theo sự hướng dẫn của H1, ông N1 sử dụng tài khoản số 45210000389970 mở tại Ngân hàng B1 mang tên Nguyễn Hoài N1 thực hiện giao dịch chuyển khoản 13 lần, tổng số tiền 191.850.000 đồng đến tài khoản số 1030943887 mở tại V1 mang tên Công ty TNHH U với nội dung "Lima20P 408641". H1 hướng dẫn ông N1 đặt các lệnh gồm: Đầu tư cổ phiếu vào Vàng và Đô la, ông N1 thực hiện theo hướng dẫn thì đều bị thua lỗ, hết số tiền trong tài khoản trên sàn.

Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Hoài N1 yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 191.850.000 đồng.

11. Vụ thứ mười một: Đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Quang V", Z "Hải Đăng", Thái Văn Thiên B (tức "Minh P1"), "Khôi" chiếm đoạt của bà Phạm Thị Hải M (sinh năm 1977; trú tại tổ C, phường T, quận C, thành phố Hà Nội) số tiền 24.868.686 đồng, được chuyển vào tài khoản số 1031327764 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH T7 thông qua sàn C4, vụ việc xảy ra ngày 18/5/2023. Ngày 22/02/2023, bà M nhận được cuộc gọi từ số điện thoại 0944899403, giới thiệu tên là "Quang Vũ" là nhân viên của sàn CH Market, mời bà M đầu tư vào sàn CH Market. Sau đó, đối tượng sử dụng tài khoản Z "Quang Vũ" kết bạn và nhắn tin tư vấn đầu tư cho bà M. "Quang V" gửi cho bà M đường link và hướng dẫn bà Minh T ứng dụng MT5, đăng ký thành công tài khoản "7020749" trên sàn CH Market. Ngày 18/5/2023, bà M chuyển 24.868.686 đồng từ tài khoản số 0451000232214 mở tại Ngân hàng V1 đến tài khoản số 1031327764 mang tên Công ty TNHH T7 mở tại Ngân hàng V1. Sau đó, tài khoản của bà M trên sàn C5 nhận được số tiền tương ứng. Thông tin cá nhân của bà M1 (làm nghề kế toán, chưa có kinh nghiệm giao dịch, mới trải nghiệm demo và ưu đãi 3000$ Bonus, đã chia tay chồng, rất thích nói chuyện tâm sự, chia sẻ chuyện cuộc sống), được Mai Thị Xuân C giao cho nhóm của Lê Thị Mỹ H1. H1 chuyển thông tin cho Thái Văn Thiên B (tức M) để liên lạc dụ dỗ bà M. Bà M tham gia đầu tư, thực hiện lệnh giao dịch thì bị thua hết tiền trong tài khoản và không tiếp tục tham gia. Sau đó, bà M được Thái Văn Thiên B (tài khoản Telegram "Minh Phong" - ID: @MinhPhong6879), các đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Hải Đăng", "Khôi" (ID: Khoi210) tiếp tục nhắn tin, dụ dỗ bà M đầu tư vào sàn CH Market. Tuy nhiên bà M không thực hiện chuyển tiền để đầu tư.

Trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị Hải M yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 24.868.686 đồng.

12. Vụ thứ mười hai: Đinh Văn C1 và đối tượng sử dụng tài khoản Z "Tú Trinh" cùng đồng phạm chiếm đoạt của anh Trần Đình T1 (sinh năm 1980; trú

tại tổ E, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội) số tiền 12.686.868 đồng, được chuyển tiền vào tài khoản số 1030943887 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Công ty TNHH U thông qua sàn TradeTimecom, vụ việc xảy ra ngày 15/3/2023.

Tháng 12/2020, đối tượng sử dụng tài khoản Z "Tú Trinh" (số điện thoại 0868582341) kết bạn, mời anh T1 tham gia đầu tư chứng khoán trên sàn TradeTime. "Tú Trinh" hướng dẫn cách tải ứng dụng MT4 về điện thoại, đăng ký mở tài khoản "4059528" trên ứng dụng MT4 để tham gia đầu tư.

Ngày 15/3/2023, thông tin cá nhân của anh T1 được Mai Thị Xuân C giao cho nhóm của Đinh Văn C1. C1 chuyển thông tin và giao cho nhân viên sử dụng tài khoản Telegram "Hoàng Quân" (hiện chưa xác định được nhân thân) chăm sóc, tư vấn. Theo hướng dẫn của các đối tượng, anh T1 chuyển 12.686.868 đồng từ tài khoản số 6688588888 mở tại Ngân hàng M2 đến tài khoản số 1030943887 mang tên Công ty TNHH U mở tại Ngân hàng V1 thì tài khoản MT4 của anh T1 hiển thị 700 USD. Sau đó, "Tú Trinh" đề nghị anh T1 kết bạn với tài khoản T2 tên "P" (hiện chưa xác định được nhân thân) để được hướng dẫn đầu tư. "Phúc" hướng dẫn anh T1 lựa chọn các loại cổ phiếu trên MT4 và chọn "Sell" hoặc "Buy" theo chỉ định để đầu tư. Sau khi thực hiện tài khoản MT4 của anh T1 có 1.100 USD. Tuy nhiên, sau một vài ngày thực hiện, tài khoản MT4 của anh T1 bị trừ tiền nhiều lần và chỉ còn 17 USD. Các đối tượng yêu cầu anh T1 nộp tiếp số tiền 20.000.000 đồng để duy trì tài khoản và rút được tiền nhưng anh T1 không thực hiện.

Trách nhiệm dân sự: Anh Trần Đình T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 12.686.868 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ những tài liệu, đồ vật sau:

Thu giữ của Bùi Trung Đ: 01 chiếc xe ô tô hiệu PORCHE MACAN GTS màu trắng, biển kiểm soát 51K-316.99.

- Thu giữ của Thái Anh Đ1: 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry 2.0 màu đen, biển kiểm soát 51K-247.75.

- Thu giữ của Nguyễn Văn L: 01 chiếc xe ô tô hiệu Vinfat Lux A2.0 màu đen, biển kiểm soát 37K-095.21.

- Thu giữ tại Văn phòng do các bị cáo làm việc tại số nhà H X, đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh gồm: 378 chiếc máy tính và 21 chiếc điện thoại di động các loại (có bảng thống kê vật chứng kèm theo).

- Thu giữ số tiền 2.000.000.000 đồng do gia đình các bị cáo Bùi Trung Đ và Thái Anh Đ1 nộp để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra xác định các bị cáo đã thu lợi như sau:

- Bùi Trung Đ làm việc từ năm 2020 với nhiệm vụ quản lý chung. Trung Đức được hưởng 1.350.000.000 đồng, gồm tiền lương từ tháng 07/2022 đến khi bị bắt là 700.000.000 đồng và tiền thưởng là 650.000.000 đồng.

Thái Anh Đ1 làm việc từ cuối năm 2019, đến đầu năm 2022 được giao làm tổng quản lý tại Văn phòng ở số A, đường N. Từ tháng 07/2022 đến khi bị bắt giữ, Đ1 được hưởng 100.000.000 đồng tiền lương.

- Lê Thị Trung Á làm việc từ tháng 05/2019, được giao nhiệm vụ tuyển dụng nhân viên. Đến tháng 03/2022, Á được điều sang Campuchia làm việc nhưng vẫn quản lý các tài khoản tại ngân hàng của Công ty và được hưởng 1.000.000.000 đồng tiền lương.

- Bùi Ngọc T3 làm việc tháng 07/2020, được giao nhiệm vụ làm tại bộ phận pháp lý của Công ty và T3 được hưởng 244.000.000 đồng tiền lương.

- Mai Kim N5 làm việc từ tháng 11/2021, được giao nhiệm vụ quản lý trang thiết bị tại văn phòng, chấm công cho nhân viên và được hưởng 175.000.000 đồng tiền lương.

- Trần Minh C2 làm việc từ tháng 04/2021, được giao nhiệm vụ chấm công nhân viên, thanh toán tiền lương và các chi phí khác và được hưởng 696.000.000 đồng tiền lương.

- Bùi Duy H2 làm việc từ cuối năm 2020 tại bộ, lắp đặt mạng internet và thiết bị VPN để thay đổi địa chỉ IP và được hưởng 250.000.000 đồng tiền lương.

- Đoàn Hữu N3 làm việc từ tháng 11/2020 tại bộ phận kỹ thuật IT, trực tiếp cài đặt phần mềm Zoiper để nhân viên chăm sóc khách hàng gọi điện cho các bị hại và được hưởng 330.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn L làm việc từ tháng 02/2022, tham gia dụ dỗ các bị hại là bà Lê Thị Anh T4 và anh Nguyễn Việt H3. Văn Lộc được hưởng 250.000.000 đồng tiền lương.

- Phạm Anh L1 làm việc từ tháng 09/2022, tham gia dụ dỗ các bị hại là bà Lê Thị Anh T4 và chị Trần Thị Thùy L2. Anh L1 được hưởng 140.000.000 đồng tiền lương.

- Trần Vũ Trọng Đ2 làm việc từ tháng 10/2021, tham gia dụ dỗ các bị hại là ông Lê Văn H4 và chị Vũ Thị Thu H5. Trọng Đức được hưởng 52.000.000 đồng tiền lương.

- Đinh Văn C1 làm việc từ tháng 02/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là chị Vũ Thị Hải N và anh Trần Đình T1. C1 được hưởng 50.000.000 đồng tiền lương.

- Hồ Ngọc N4 làm việc từ tháng 01/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là anh Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Thị Hương D. Nguyên được hưởng 34.000.000 đồng tiền lương.

- Lê Thị Mỹ H1 làm việc từ tháng 01/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là ông Nguyễn Hoài N1 và bà Phạm Thị Hải M. H1 được hưởng 35.000.000 đồng tiền lương.

- Nguyễn Thị Diệu H6 làm việc từ tháng 05/2022, tham gia dụ dỗ bị hại là ông Lê Văn H4 và H6 được hưởng 120.000.000 đồng.

- Cao Thị Diệu S làm việc từ tháng 11/2022, tham gia dụ dỗ bị hại là anh Trịnh Văn T5 và được hưởng lương 42.000.000 đồng.

- Hoàng Thị Mỹ H7 làm việc từ tháng 02/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là bà Nguyễn Thị Hương D và anh Nguyễn Đức A. H7 được hưởng 28.000.000 đồng tiền lương.

- Phan Đức H làm việc từ tháng 02/2023, giúp sức trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt 24.000.000 đồng của chị Vũ Thị Hải N. Từ khi vào làm việc, H đã nhận được tổng cộng 21.000.000 đồng, gồm 14.000.000 đồng tiền lương cứng và 7.000.000 đồng tiền hoa hồng.

Thái Văn Thiên B làm việc từ đầu tháng 4/2023, giúp sức trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt 24.868.686 đồng của chị Phạm Thị Hải M. Từ khi làm việc B chỉ được Công ty cho ăn bữa trưa, chưa nhận được tiền lương do ngày 20/5/2023 bị Cơ quan điều tra đã phát hiện và bắt giữ.

Đối với số tiền 11.125.793.906 đồng do Bùi Trung Đ và đồng phạm đã chiếm đoạt được của người bị hại trong 12 vụ trên, sau khi người bị hại chuyển tiền vào 09 tài khoản ngân hàng đứng tên 07 công ty do các đối tượng lập ra, các đối tượng chuyển tiền đến nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác định được danh tính của các chủ tài khoản nhận tiền. Do đó, Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau (chi tiết các tài khoản nhận và chuyển tiền có bảng kê chi tiết kèm theo).

Đối với Mai Thị Xuân C, sau khi bị khởi tố đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với C3 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; khi nào bắt được sẽ phục hồi bị can xử lý sau.

Đối với các đối tượng liên quan khác: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Tại bản Cáo trạng số 123/CT-VKSHN-P2 ngày 05/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đã truy tố Bùi Trung Đức, Thái Anh Đào, Lê Thị Trung Ái, Bùi Ngọc T3, Mai Thị Kim N5, Trần Minh C2, Bùi Duy H2, Đoàn Hữu N3, Nguyễn Văn L, Phạm Văn L3, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Hoàng Thị Mỹ H7, Hồ Ngọc N4, Lê Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Diệu H6, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B và Phan Đức H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi công bố Cáo trạng có ý kiến bổ sung, đính chính Cáo trạng, theo đó tại phần Quyết định của Cáo trạng do nhầm lẫn trong khi đánh máy đã nhầm tên các bị cáo: trang 49 dòng 11, 12 từ trên xuống có ghi là "Mai Thị Kim N5", nay đính chính là "Mai Kim N5"; trang 49 dòng 13 từ trên xuống có ghi là Phạm Văn L3, nay đính chính là "Phạm Anh L1".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 686/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành ***phố Hà Nội đã quyết định***:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Bùi Trung Đ, Thái Anh Đ1, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T, Mai Kim N4, Trần Minh C, Bùi Duy H, Đoàn Hữu N, Nguyễn Văn L, Phạm Anh L1, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N1, Lê Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị Diệu H3, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B và Phan Đức H4 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Trung Đ: **18 (mười tám) năm tù,** thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Thái Anh Đ1: **16 (mười sáu) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Thị Trung Á: **15 (mười lăm) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Ngọc T: **15 (mười lăm) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

5. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Mai K: **14 (mười bốn) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2023.

6. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Minh C: **14 (mười bốn) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2023.

7. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm ag khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Duy H: **14 (mười bốn) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2024.

8. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đoàn Hữu N: **14 (mười bốn) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2023.

9. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn L: **14 (mười bốn) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

10. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm ag khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Anh L1: **15 (mười lăm) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

11. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Vũ Trọng Đ2: **13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

12. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đinh Văn C1: **12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

13. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Thị Mỹ H1: **11 (mười một) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 03/06/2023 đến 06/02/2024.

14. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hồ Ngọc N1: **13 (mười ba) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

15. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Thị Mỹ H2: **12 (mười hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

16. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Diệu H3: **13 (mười ba) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

17. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Cao Thị Diệu S: **12 (mười hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

18. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Thái Văn Thiên B: **10 (mười) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2024.

19. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phan Đức H4: **12 (mười hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2024.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (là bố, mẹ, vợ, chồng, anh, chị em) của các bị cáo: Bùi Trung Đ, Thái Anh Đ1, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N1, Trần Vũ Trọng Đ2, Nguyễn Thị Diệu H3, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B, Đinh Văn C1, Đoàn Hữu N, Trần Minh C, Bùi Ngọc T, Lê Thị Mỹ H2 đã tự nguyện bồi thường cho các bị cáo mà không yêu cầu các bị cáo bồi hoàn.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Bùi Trung Đ và Thái Anh Đ1 đã tự nguyện bồi thường cho bà Lê Thị Anh T1 số tiền 4,8 tỷ đồng (mỗi bị cáo bồi thường 2,4 tỷ đồng) mà không buộc các bị cáo khác liên đới bồi thường số tiền này.

+ Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau: bà Lê Thị Anh T1 1.970.184.271 đồng; chị Trần Thị Thùy L2 3.231.691.339 đồng; anh Nguyễn Việt H5 25.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hương D 135.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức A 234.247.200 đồng; ông Lê Văn H6 143.432.442 đồng; chị Vũ Thị Thu H7 299.000.000 đồng; anh Trịnh Văn T2 24.733.100 đồng; chị Vũ Thị Hải N2 24.000.000 đồng; ông Nguyễn Hoài N3 191.850.000 đồng; bà Phạm Thị Hải M 24.868.686 đồng; anh Trần Đình T3 12.686.868 đồng. Trong đó các bị cáo phải bồi thường số tiền cụ thể như sau:

1. Bùi Trung Đ: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường, còn thừa 482.633.300 đồng (tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, đảm bảo thi hành án).

2. Thái Anh Đ1: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường, còn thừa 482.633.300 đồng (tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, đảm bảo thi hành án).

3. Lê Thị Trung Á: 667.366.700 đồng;

4. Bùi Ngọc T: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng; còn phải nộp 647.366.700 đồng.

5. Mai Kim N4: 667.366.700 đồng;

6. Trần Minh C: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng; còn phải nộp: 637.366.700 đồng.

7. Bùi Duy H: 667.366.700 đồng;

8. Đoàn Hữu N: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 180.000.000 đồng, còn phải nộp 487.366.700 đồng.

9. Nguyễn Văn L 197.018.400 đồng;

10. Phạm Anh L1: 558.873.000 đồng;

11. Trần Vũ Trọng Đ2: 59.838.100 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 150.000.000 đồng còn thừa 90.161.900đ nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

12. Hồ Ngọc N1: 39.300.200 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 135.000.000 đồng, còn thừa 95.699.800 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

13. Nguyễn Thị Diệu H3: 14.343.200 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 143.432.442 đồng, còn thừa 129.089.242 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

14. Cao Thị Diệu S: 2.748.100 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 24733.100 đồng, còn thừa 21.985.000 đồng;

15. Phan Đức H4: 2.666.700 đồng;

16. Lê Thị Mỹ H2: 23.803.600 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 191.850.000 đồng; còn thừa 168.046.400 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

17. Hoàng Thị Mỹ H1: 28.189.100 đồng; xác nhận bị cáo đã nộp 70.000.000 đồng, còn thừa 41.810.900 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

18. Đinh Văn C1: 1.409.700 đồng; xác nhận bị cáo đã nộp 37.000.000 đồng, còn thừa 35.590.300 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng

lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

19. Thái Văn Thiên B: 2.486.900 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 24.868.686 đồng; còn thừa 22.381.786 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

+ Buộc các bị cáo phải truy nộp số tiền hưởng lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

- Bùi Trung Đ: 1.350.000.000 đồng,

- Thái Anh Đ1: 100.000.000 đồng.

- Lê Thị Trung Á: 1.000.000.000 đồng.

- Bùi Ngọc T: 244.000.000 đồng.

- Mai Kim N: 175.000.000 đồng.

- Trần Minh C: 696.000.000 đồng.

- Bùi Duy H: 250.000.000 đồng.

- Đoàn Hữu N1: 330.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn L: 250.000.000 đồng.

- Phạm Anh L1: 140.000.000 đồng.

- Trần Vũ Trọng Đ2: 52.000.000 đồng.

- Đinh Văn C1: 50.000.000 đồng.

- Hồ Ngọc N2: 34.000.000 đồng.

- Lê Thị Mỹ H1: 35.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Diệu H2: 120.000.000 đồng.

- Cao Thị Diệu S: 42.000.000 đồng.

- Hoàng Thị Mỹ H3: 28.000.000 đồng.

- Phan Đức H4: 21.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng khác, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/9/2025, các bị cáo Hồ Ngọc N2, Đoàn Hữu N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/9/2025, bị cáo Thái Văn Thiên B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/9/2025, bị cáo Hoàng Thị Mỹ H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét mức độ liên quan của bị cáo trong vụ án.

Cùng ngày, bị cáo Đinh Văn C1 kháng cáo xem xét lại bản án sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/9/2025, bị cáo Phan Đức H4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 01/10/2025, các bị cáo Bùi Duy H, Phạm Anh L1 và Trần Vũ Trọng Đ2 đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Cùng ngày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ3 kháng cáo toàn bộ bản án. Đến ngày 28/11/2025, Ngân hàng TMCP Đ3 đã có Đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Ngày 03/10/2025, các bị cáo Bùi Trung Đ, Cao Thị Diệu S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Cùng ngày, các bị cáo Thái Anh Đ1, Bùi Ngọc T, Mai Kim N, Trần Minh C, Lê Thị Mỹ H1 kháng cáo toàn bộ nội dung án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thị Diệu H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/10/2025, bị cáo Lê Thị Trung Á kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Bùi Trung Đ, Bùi Duy H, Đoàn Hữu N, Nguyễn Văn L, Phạm Anh L1 lúc đầu quanh co cho rằng khi vào làm việc tại Công ty U không biết Công ty có hoạt động phạm pháp và không biết Công ty có kinh doanh chứng khoán trên sàn giao dịch quốc tế mà sau này khi bị bắt, làm việc với Cơ quan điều tra mới biết và nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Sau khi Hội đồng xét xử xét hỏi và công bố lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo có kháng cáo trong vụ án đều giữ kháng cáo với nội dung chỉ là xin giảm nhẹ hình phạt, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo và đều cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là nặng, các bị cáo đề nghị xin giảm hình phạt, đồng thời xuất trình các tài liệu thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp tiền phạt bổ sung, tiền thu lời bất chính, thực hiện nghĩa vụ nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình; thân nhân các bị cáo có công với Cách mạng, tham gia tích cực các hoạt động thiện nguyện tại địa phương, một số người bị hại trong vụ án có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời

hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ nội dung kháng cáo của các bị cáo, kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tương ứng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm, khoản, điều luật như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn nhận tội; các bị cáo cung cấp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới về hoàn cảnh gia đình, nhân thân, đã chấp hành xong các khoản tiền thu lời bất chính, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ nộp án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, một số bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo… Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc giảm cho mỗi bị cáo từ 04 năm đến 06 năm tù.

Đối với kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ1 đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của Ngân hàng là hợp lệ. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ1

Người bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Công tố; đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được tranh tụng, thẩm vấn công khai tại phiên tòa, giảm cho các bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện Công tố đề nghị tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Kháng cáo của các bị cáo Bùi Trung Đ, Lê Thị Trung Á, Thái Văn Thiên B, Phạm Đức H, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N, Đoàn Hữu N1, Cao Thị Diệu S, Bùi Ngọc T, Mai Kim N2, Nguyễn Thị Diệu H2, Lê Thị Mỹ H3, Trần Minh C, Thái Anh Đ1, Bùi Duy H4, Phạm Anh L, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Nguyễn Văn L1 và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ3 trong hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Quá trình xét xử phúc thẩm, ngày 06/11/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ3 đã có Đơn xin rút kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của Ngân hàng là hợp lệ, do đó, HĐXX căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ3.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ mới, đã được HĐXX tranh tụng, thẩm vấn công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận để xem xét theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị Bùi Trung Đ, Lê Thị Trung Á, Thái Văn Thiên B, Phạm Đức H, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N, Đoàn Hữu N1, Cao Thị Diệu S, Bùi Ngọc T, Mai Kim N2, Nguyễn Thị Diệu H2, Lê Thị Mỹ H3, Trần Minh C, Thái Anh Đ1, Bùi Duy H4, Phạm Anh L, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Nguyễn Văn L1 đều với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; nội dung áp dụng hình phạt bổ sung, truy thu số tiền thu lời bất chính đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Trung Đ, Bùi Duy H4, Đoàn Hữu N1, Nguyễn Văn L1, Phạm Anh L lúc đầu cho rằng khi vào làm việc tại Công ty U không biết Công ty có hoạt động phạm pháp và không biết Công ty có kinh doanh chứng khoán trên sàn giao dịch quốc tế mà sau này khi bị bắt, làm việc với Cơ quan điều tra mới biết và nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Sau khi Hội đồng xét xử xét hỏi và công bố lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Thái Anh Đ1, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T, Mai Kim N2, Trần Minh C, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N, Lê Thị Mỹ H3, Nguyễn Thị Diệu H2, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B và Phan Đức H5 đều tiếp tục thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định, không oan. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 05/2023, các bị cáo Bùi Trung Đ, T1, Anh Đ1, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T, Mai Kim N2, Trần Minh C, Bùi Duy H4, Đoàn Hữu N1, Nguyễn Văn L1, Phạm Anh L, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Hồ Ngọc N, Lê Thị Mỹ H3, Nguyễn Thị Diệu H2, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B, Phan Đức H5 và Hoàng Thị Mỹ H1 cùng các đối tượng (hiện chưa xác định được) đã cấu kết với nhau thành lập và duy trì hoạt động các Công ty "ma" và sử dụng danh nghĩa của các Công ty đó để tuyển dụng các nhân viên làm việc tại các bộ phận (Kế toán, Nhân sự, Bộ phận IT, Bộ phận kinh doanh và chăm sóc khách hàng), thực hiện các hoạt động độc lập, bổ trợ lẫn nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù không được cấp giấy phép nhưng các bị cáo vẫn điều hành nhân viên hoạt động trong lĩnh vực tư vấn chứng khoán, tài chính nhằm mục đích lôi kéo khách hàng tham gia đầu tư để chiếm đoạt tài sản. Thủ đoạn hoạt

động phạm tội: Các đối tượng tạo lập, quản lý các trang web như Zeno Markets, L2, CHMarkets, TradeTime, LPLtrade, DexInvesting để mọi người hiểu nhầm là tham gia đầu tư chứng khoán quốc tế. Các trang web trên về bản chất đều đã được lập trình sẵn, không có tính năng đối ứng ra thị trường thế giới, mỗi sàn giao dịch đều được kết nối với ứng dụng MetaTrader (MT4, MT5). Tiền của khách hàng nạp vào nằm ở trong các tài khoản do các đối tượng đăng ký mở tại các ngân hàng dưới tên của các Công ty. Khách hàng chơi forex trên trang web trên thực chất là chơi với chủ sàn (A1), khi khách hàng thua là chủ sàn được hưởng tiền đó. Trong đó, bộ phận kinh doanh và chăm sóc khách hàng (S1) được tuyển dụng và đào tạo về quy trình đã được lập sẵn để dụ dỗ bị hại tham gia thông qua mạng xã hội, qua việc trực tiếp gọi điện thoại, nhắn tin, sau đó đưa ra các thông tin sai sự thật nhằm tạo sự tin tưởng để bị hại chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng gắn với sàn giao dịch do các đối tượng quản lý. Ban đầu, khách hàng sẽ được thắng vài lệnh, với số tiền nhỏ và có thể rút được về tài khoản. Tuy nhiên, nhân viên sẽ tiếp tục chăm sóc khách hàng, dụ dỗ để khách nạp tiền cho đến khi hết khả năng tài chính thì bị thua hết tiền, nhân viên S1 tiếp tục đưa ra các thông tin để khách hàng nghĩ việc thua là do yếu tố khách quan, nhưng về bản chất dòng tiền của khách hàng không được sử dụng để cho khách hàng tham gia chơi forex. Với thủ đoạn trên, các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của 12 bị hại tổng số tiền là 11.125.793.906 đồng. Trong đó, chiếm đoạt của chị Lê Thị Anh T2 số tiền 6.770.184.271 đồng; chiếm đoạt của chị Trần Thị Thùy L3 3.231.691.339 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Việt H6 25.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hương D 135.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức A 243.347.200 đồng; chiếm đoạt của anh Lê Văn H7 143.432.442 đồng; chiếm đoạt của chị Vũ Thị Thu H8 299.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Trịnh Văn T3 24.733.100 đồng; chiếm đoạt của chị Vũ Thị Hải N3 24.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Hoài N4 191.850.000 đồng; chiếm đoạt của chị Phạm Thị Hải M 24.868.686 đồng và chiếm đoạt của anh Trần Đình T4 số tiền 12.686.868 đồng. Trong đó:

- Bùi Trung Đ làm việc từ năm 2020 với nhiệm vụ quản lý chung. Đ được hưởng 1.350.000.000 đồng, gồm tiền lương từ tháng 07/2022 đến khi bị bắt giữ là 700.000.000 đồng và tiền thưởng là 650.000.000 đồng;

- Thái Anh Đ1 làm việc từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2022 được giao làm tổng quản lý tại Văn phòng số 188, đường N, được hưởng 100.000.000 đồng tiền lương.

- Lê Thị Trung Á làm việc từ tháng 05/2019, được giao nhiệm vụ tuyển dụng nhân viên, đến tháng 03/2022, được hưởng 1.000.000.000 đồng tiền lương.

- Bùi Ngọc T làm việc tháng 07/2020, T được giao nhiệm vụ làm tại bộ phận pháp lý của công ty, được hưởng 244.000.000 đồng tiền lương.

- Mai Kim N2 làm việc từ tháng 11/2021, được giao nhiệm vụ quản lý trang thiết bị tại văn phòng, chấm công cho nhân viên và được hưởng 175.000.000 đồng tiền lương.

- Trần Minh C làm việc từ tháng 04/2021 với nhiệm vụ chấm công nhân viên, thanh toán tiền lương và các chi phí khác, được hưởng 696.000.000 đồng tiền lương.

- Bùi Duy H4 làm việc từ cuối năm 2020 tại bộ, lắp đặt mạng internet và thiết bị VPN để thay đổi địa chỉ IP, được hưởng 250.000.000 đồng tiền lương.

- Đoàn Hữu N1 làm việc từ tháng 11/2020 tại bộ phận kỹ thuật IT, trực tiếp cài đặt phần mềm Zoiper để nhân viên chăm sóc khách hàng gọi điện thoại cho các bị hại, được hưởng 330.000.000 đồng tiền lương.

- Nguyễn Văn L1 làm việc từ tháng 02/2022, tham gia dụ dỗ các bị hại là bà Lê Thị Anh T2 và anh Nguyễn Việt H6, được hưởng 250.000.000 đồng tiền lương.

- Phạm Anh L làm việc từ tháng 09/2022, tham gia dụ dỗ các bị hại là bà Lê Thị Anh T2 và chị Trần Thị Thùy L3, được hưởng 140.000.000 đồng tiền lương.

- Trần Vũ Trọng Đ2 làm việc từ tháng 10/2021, tham gia dụ dỗ các bị hại là ông Lê Văn H7 và chị Vũ Thị H8, được hưởng lương 52.000.000 đồng.

- Đinh Văn C1 làm việc từ tháng 02/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là chị Vũ Thị Hải N3 và anh Vũ Đình T5, được hưởng lương 50.000.000 đồng.

- Hồ Ngọc N làm việc từ tháng 01/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là anh Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Thị Hương D, được hưởng lương 34.000.000 đồng.

- Lê Thị Mỹ H3 làm việc từ tháng 01/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là ông Nguyễn Hoài N4 và bà Phạm Thị Hải M, được hưởng lương 35.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Diệu H2 làm việc từ tháng 05/2022, tham gia dụ dỗ bị hại là ông Lê Văn H7 và được hưởng lương 120.000.000 đồng.

- Cao Thị Diệu S làm việc từ tháng 11/2022, tham gia dụ dỗ bị hại là anh Trịnh Văn T3 và được hưởng lương 42.000.000 đồng.

- Hoàng Thị Mỹ H1 làm việc từ tháng 02/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại bà Nguyễn Thị Hương D và anh Nguyễn Đức A, được hưởng lương 28.000.000 đồng.

- Phan Đức H5 làm việc từ tháng 02/2023, giúp sức trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt 21.000.000 đồng của chị Vũ Thị Hải N3. Từ khi vào làm việc, H5 đã nhận được tổng cộng 21.000.000 đồng, gồm 14.000.000 đồng tiền lương và 7.000.000 đồng tiền thưởng.

- Thái Văn Thiên B làm việc từ đầu tháng 4/2023, giúp sức trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt 24.868.686 đồng của chị Phạm Thị Hải M. Từ khi làm việc B chỉ được Công ty cho ăn bữa trưa, chưa nhận được tiền lương do ngày 20/5/2023 bị Cơ quan điều tra đã phát hiện và bắt giữ.

Với hành vi phạm tội nên trên, các bị cáo Bùi Trung Đ, Thái Anh Đ1, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T, Mai Kim N2, Trần Minh C, Bùi Duy H4, Đoàn Hữu N1, Nguyễn Văn L1, Phạm Anh L, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N, Lê Thị Mỹ H3, Nguyễn Thị Diệu H2, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B và Phan Đức H5 đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản luật nêu trên là có căn cứ, đúng qui định pháp luật, không oan sai.

[2.1]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Tại bản án sơ thẩm đã xác định "Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại lớn về tài sản cho các bị hại. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Để thực hiện tội phạm, các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, có sự phân công, phân nhiệm nhiệm vụ của từng nhóm, khi nhận nhiệm vụ và thông tin từ S (Mai Thị Xuân C) chuyển đến, các bị cáo tiếp nhận ý chí và trưởng mỗi nhóm lại phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm. Tội phạm do các bị cáo được thực hiện trên không gian mạng, tiếp xúc và lan tỏa đến nhiều người, các bị cáo có sự cấu kết với tội phạm ngoài lãnh thổ Việt Nam. Các bị cáo là nhân viên IT quản lý, lắp đặt, sử dụng hàng ngàn số điện thoại và thay đổi mật khẩu IP liên tục, thường xuyên thay đổi địa điểm làm việc, các nhân viên làm việc không để lộ danh tính thật, không được gọi điện thoại videocall với khách, không được ra khỏi văn phòng khi đang làm việc khi không thật sự cần thiết để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng. Hành vi do các bị cáo thực hiện là hết sức tinh vi, để che giấu hành vi của mình, các bị cáo khi thực hiện đều mang tên giả, giấu thân phận, không tiếp xúc trực tiếp với người bị hại, thực hiện hành vi trên kịch bản có sẵn, thường xuyên thay đổi xe và sử dụng xe sang để đánh bóng tên tuổi (Bùi Trung Đ). Hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm hại đến tài sản được xác định là rất lớn của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo còn gây nhức nhối trong xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và đáng bị lên án." Và "Các bị cáo đã lợi dụng tâm lý đánh vào lòng tham của người bị hại để đưa ra thông tin không có thật, làm bị hại tin tưởng muốn làm việc nhẹ nhàng nhưng được hưởng lợi nhuận cao".

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Mai Kim N, Trần Minh C1, Đoàn Hữu N1, Lê Thị Trung Á, Bùi Duy H, Bùi Ngọc T nhận thấy việc làm việc tại T5 nhưng không ký hợp đồng lao động, sử dụng tên giả để liên hệ với các nhân viên trong công ty. Công ty được chia thành 05 bộ phận thực hiện các hoạt động độc lập, bổ trợ lẫn nhau để thực hiện hành vi phạm tội, trong đó các nhân

viên thuộc bộ phận kinh doanh, chăm sóc khách hàng (khi vào làm việc được đào tạo theo kịch bản có sẵn để dụ dỗ khách hàng nạp tiền, tham gia chơi chứng khoán) giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của Bùi Trung Đ, Thái Anh Đ1, Mai Kim N, Trần Minh C1, Đoàn Hữu N1, Lê Thị Trung Á, Bùi Duy H, Bùi Ngọc T đều đồng phạm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, trong đó vai trò của Bùi Trung Đ là người tổ chức; Thái Anh Đ1, Mai K, Trần Minh C1, Đoàn Hữu N1, Lê Thị Trung Á, Bùi Duy H, Bùi Ngọc T với vai trò là người giúp sức tích cực.

Đối với các bị cáo trong bộ phận chăm sóc khách hàng: Nguyễn Văn L, Phạm Anh L1, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C2, Hồ Ngọc N2, Lê Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Diệu H2, Cao Thị Diệu S, Hoàng Thị Mỹ H3, Phan Đức H4, Thái Văn Thiên B: Các bị cáo đều được bộ phận nhân sự tuyển dụng dưới danh nghĩa của nhiều Công ty khác nhau, với yêu cầu không cần bằng cấp hay được đào tạo gì về chứng khoán, cổ phiếu. Khi vào làm việc không được ký Hợp đồng lao động, không được đóng bảo hiểm, được cấp cho sử dụng 01 máy tính, 01 điện thoại, thực hiện nội quy để đảm bảo không bị cơ quan Công an phát hiện (sử dụng tên giả, liên lạc với nhau qua tài khoản mạng xã hội có tính bảo mật cao như T1, S1; không gọi điện videocall cho khách hàng, không chia sẻ vị trí cũng như địa chỉ văn phòng làm việc). Các đối tượng này đều được đào tạo theo kịch bản có sẵn do trực tiếp các Leader, Tổng Quản lý hoặc nhân viên vào làm trước phổ biến bằng miệng, giao cho quy trình đào tạo bằng giấy hoặc tham gia các buổi hội thảo do Bùi Trung Đ tổ chức, phổ biến với mục đích để dụ dỗ khách hàng đồng ý tham gia và chuyển tiền vào tài khoản của công ty gắn với sàn giao dịch. Những thông tin giả mà các đối tượng đưa ra để người bị hại tin tưởng chuyển tiền như: Sử dụng tên giả, giới thiệu là nhân viên chăm sóc khách hàng của sàn chứng khoán có địa chỉ tại Việt Nam, đưa ra các chương trình ưu đãi nếu khách hàng nạp tiền (tặng Bonus, miễn phí tài khoản qua đêm...). Tạo lòng tin đối với khách như: Những lệnh đầu tiên, nhân viên tư vấn sẽ lựa chọn những mã nào có lời và tập trung vào mã đó để khách hàng thích thú, đam mê thị trường, thông thường sẽ cho chốt ít và làm nhiều lần để khách liên tục giao dịch. Sau đó, cho khách hàng rút tiền để khách thấy sàn có tính thanh khoản nhanh tạo niềm tin cho khách đầu tư số tiền lớn hơn. Khi khách bắt đầu đam mê một mã sẽ nâng dần khối lượng, chụp những tài khoản giao dịch lớn chốt lãi cao để khách tiếc, đưa ra thông tin mã này sẽ có tin tăng hoặc giảm mạnh để khách nâng vốn lên bắt xu hướng, giả vờ tham gia góp vốn với khách, dùng group, "chân gỗ" tương tác để truyền cảm hứng, sử dụng tài khoản khác giả là "chuyên gia" có kinh nghiệm xử lý hoặc bán cho "RET" (bộ phận tư vấn) của sàn khác tâm sự để ổn định tâm lý. Bản thân các nhân viên đều nhận thức được hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng do không có nghề nghiệp nên vẫn đồng ý thực hiện. Hàng tháng đều được trả lương, tiền thưởng theo số tiền khách nạp. Do vậy, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền của bị hại bị chiếm đoạt đã làm

rõ được trong thời gian mà đối tượng đó làm việc…” là hoàn toàn chính xác. Từ đó đã đánh giá vai trò của từng bị cáo:

- “Đối với bị cáo Bùi Trung Đ: Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, giữ vai trò quản lý chung, trực tiếp chỉ đạo các bị cáo khác trong vụ án. Bùi Trung Đ làm việc từ năm 2020, Đ được hưởng 1.350.000.000 đồng, gồm tiền lương từ tháng 07/2022 đến khi bị bắt giữ là 700.000.000 đồng và tiền thưởng là 650.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Thái Anh Đ1: Bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án, trực tiếp quản lý văn phòng và chỉ đạo các bị cáo khác trong vụ án. Thái Anh Đ1 làm việc từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2022 được giao làm Tổng Quản lý tại Văn phòng số 188, đường N, được hưởng 100.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Lê Thị Trung Á: Bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực trong vụ án. Lê Thị Trung Á làm việc từ tháng 05/2019, được giao nhiệm vụ tuyển dụng nhân viên, đến tháng 03/2022, được hưởng 1.000.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Bùi Ngọc T: Bị cáo giữ vai trò thứ tư trong vụ án, Bùi Ngọc T làm việc tháng 07/2020, T được giao nhiệm vụ làm tại bộ phận pháp lý của công ty, được hưởng 244.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Mai Kim N: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức trong vụ án, Mai Kim N làm việc từ tháng 11/2021, được giao nhiệm vụ quản lý trang thiết bị tại văn phòng, chấm công cho nhân viên và được hưởng 175.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Trần Minh C1: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức trong vụ án, Trần Minh C1 làm việc từ tháng 04/2021 với nhiệm vụ chấm công nhân viên, thanh toán tiền lương và các chi phí khác, được hưởng 696.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Bùi Duy H: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức trong vụ án, Bùi Duy H làm việc từ cuối năm 2020 tại bộ, lắp đặt internet và thiết bị VPN để thay đổi địa chỉ IP, được hưởng 250.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Đoàn Hữu N1: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức trong vụ án, Đoàn Hữu N1 làm việc từ tháng 11/2020 tại phận kỹ thuật IT, trực tiếp cài đặt phần mềm Zoiper để nhân viên chăm sóc khách hàng gọi điện thoại cho các bị hại, được hưởng 330.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Nguyễn Văn L làm việc từ tháng 02/2022, tham gia dụ dỗ các bị hại là bà Lê Thị Anh T2 và anh Nguyễn Việt H5, được hưởng 250.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Phạm Anh L1: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Phạm Anh L1 làm việc từ tháng 09/2022, tham gia dụ dỗ các bị hại là bà Lê Thị Anh T2 và chị Trần Thị Thùy L2, được hưởng 140.000.000 đồng tiền lương.

- Đối với bị cáo Trần Vũ Trọng Đ2: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Trần Vũ Trọng Đ2 làm việc từ tháng 10/2021, tham gia dụ dỗ các bị hại là ông Lê Văn H6 và chị Vũ Thị Thu H7, được hưởng lương 52.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Đinh Văn C2: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Đinh Văn C2 làm việc từ tháng 02/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là chị Vũ Thị Hải N3 và anh Trần Đình T3, được hưởng lương 50.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Hồ Ngọc N2: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Hồ Ngọc N2 làm việc từ tháng 01/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là anh Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Thị Hương D, được hưởng lương 34.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Lê Thị Mỹ H1: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Lê Thị Mỹ H1 làm việc từ tháng 01/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại là ông Nguyễn Hoài N4 và bà Phạm Thị Hải M, được hưởng lương 35.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Diệu H2: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Nguyễn Thị Diệu H2 làm việc từ tháng 05/2022, tham gia dụ dỗ bị hại là ông Lê Văn H6 và được hưởng lương 120.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Cao Thị Diệu S: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Cao Thị Diệu S làm việc từ tháng 11/2022, tham gia dụ dỗ bị hại là anh Trịnh Văn T4 và được hưởng lương 42.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Hoàng Thị Mỹ H3: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Hoàng Thị Mỹ H3 làm việc từ tháng 02/2023, tham gia dụ dỗ các bị hại bà Nguyễn Thị Hương D và anh Nguyễn Đức A, được hưởng lương 28.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Phan Đức H4: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành trong vụ án, Phan Đức H4 làm việc từ tháng 02/2023, giúp sức trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt 21.000.000 đồng của chị Vũ Thị Hải N3. Từ khi vào làm việc, H4 đã nhận được tổng cộng 21.000.000 đồng, gồm 14.000.000 đồng tiền lương và 7.000.000 đồng tiền thưởng.

- Đối với bị cáo Thái Văn Thiên B: Bị cáo là người đồng phạm giúp sức và thực hành trong vụ án, Thái Văn Thiên B làm việc từ đầu tháng 4/2023, giúp sức trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt 24.868.686 đồng của chị Phạm Thị Hải M. Từ khi làm việc, B chỉ được công ty cho ăn bữa trưa, chưa nhận được tiền lương do ngày 20/5/2023 bị Cơ quan điều tra đã phát hiện và bắt giữ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do có hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo tương ứng với mức hình phạt, tội danh, điểm, khoản, điều luật như bản án sơ thẩm đã xác định là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo chỉ còn giữ nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đều cung cấp thêm nhiều tình tiết mới. Cụ thể:

Bị cáo Hồ Ngọc N cung cấp tài liệu nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006471 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; bị cáo tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo và đồng bào bão lụt số tiền 03 triệu đồng;

Bị cáo Đoàn Hữu N1 cung cấp tài liệu về việc gia đình bị cáo ủng hộ các nhu yếu phẩm trong giai đoạn C; ủng hộ bão lụt tiền và hiện vật tại địa phương (có xác nhận của chính quyền địa phương); đã nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.494.668 đồng tại Biên lai số 0007067 ngày 23/12/2025 và tiền thu lời bất chính, án phí hình sự sơ thẩm là 330.200.000 đồng tại Biên lai số 0006469 ngày 11/12/2025 đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Thái Văn Thiên B cung cấp tài liệu đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0005439 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo phường T, Đà Nẵng số tiền 1.000.000 đồng; có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo của bị hại Phạm Thị Hải M vì đã khắc phục thiệt hại toàn bộ 24.868.686 đồng;

Bị cáo Hoàng Thị Mỹ H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại Nguyễn Thị Hương D đề ngày 22/01/2026 dung gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 70.000.000 đồng thay bị cáo; nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0006472 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Thư cảm ơn của M phường H, Thành phố Hồ Chí Minh đã ủng hộ 1.200.000 đồng và vật chất khắc phục thiệt hại do bão lũ ngày 23/12/2025; xuất trình nhiều tài liệu thể hiện có người thân tham gia Cách mạng: Ông nội là Hoàng Văn C1 là Thương binh hạng 3, tỷ lệ 42% (được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận), được tặng thưởng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng và nhiều Huân huy chương; bà ngoại là Nguyễn Thị M1 tham gia dân công hỏa tuyến; bố bị cáo là ông Hoàng Văn M2 có thời gian công tác trong quân đội, được tặng thưởng Huy chương C2 vẻ vang hạng và hạng Huy chương kỳ quyết thắng; bác ruột là Liệt Đoàn Sỹ T…;

Bị cáo Bùi Duy Hoàng cung C3 tài liệu mới ông ngoại là Nguyễn Văn H1 được tặng Huy chương chiến hạng ông nội là Bùi Văn T1 được tặng Huân chương chiến hạng có nhân thân là Liệt Nguyễn Thị D; đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn mẹ già, bố mất sớm, vợ không có công ăn việc làm ổn định, là lao động chính đang nuôi con nhỏ; nộp tiền thu lời bất chính 250.000.000 đồng tại Biên lai số 0006465 ngày 11/12/2025; án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006107 ngày

04/12/2025 và án phí dân sự sơ thẩm là 30.694.668 đồng tại Biên lai số 0007073 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Trần Vũ Trọng Đ cung cấp đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại chị Vũ Thị Thu H2 đề ngày 28/01/2026 vì đã có thái độ hợp tác, thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo bản án sơ thẩm; đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006493 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Thư cảm ơn của Bệnh viện Ung bướu Thành phố H và ủng hộ đồng bào bão lụt tổng số tiền 4.000.000 đồng.

Bị cáo Đinh Văn C4 cung cấp tài liệu nộp tiền hưởng lợi bất chính và án phí là 14.610.000 đồng tại Biên lai số 0006495 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; có thân nhân là ông Đinh Thế Y được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen; bố là Đinh Văn X được tặng thưởng Huân chương chiến hạng Nhất; tham gia ủng hộ đồng bào bão lụt số tiền 1.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn L cung cấp đơn xin giảm nhẹ hình phạt của ông Nguyễn Văn T2 là bố đẻ (có xác nhận của chính quyền địa phương); đã nộp tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm là 250.200.000 đồng tại Biên lai số 0006467 ngày 11/12/2025 và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.850.920 đồng tại Biên lai số 0007066 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Phan Đức H3 cung cấp đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo của bị hại Trần Đình T3 và Vũ Thị Hải N2; đơn trình bày hoàn cảnh gia khó khăn, bố mẹ già yếu, bố bị bệnh nặng thoát vị đĩa đệm không có khả năng lao động, mẹ bị bệnh ung thư, có giấy xác nhận là người khuyết tật nặng, bị cáo có con nhỏ mới 01 tuổi; là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương); có bác ruột là Liệt sĩ Phan Xuân Đ1; ông ngoại Vương Hải H4 được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; anh ruột của ông ngoại là Liệt sĩ Vương Ngọc O, bố bị cáo tham gia thanh niên xung phong Thạch Hãn, tỉnh Quảng Trị; đã nộp tiền án phí dân sự, hình sự sơ thẩm, tiền thu lời bất chính và tiền bồi thường là 24.167.700 đồng tại Biên lai số 0006108 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Bùi Trung Đ2 cung cấp tài liệu mới về việc bị cáo tích cực tham gia, hỗ trợ công tác ủng hộ chống dịch C tại địa bàn các phường A, phường A (có xác nhận của chính quyền địa phương) và nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0005439 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; bị cáo cứu người đuối nước là anh Nguyễn Tư T4, sinh năm 1993, có xác nhận của anh Nguyễn Tư T4, những người liên quan và của UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình ngày 10/01/2025; ông nội của bị cáo được tặng Huân chương chiến hạng Nhì; Thư cảm ơn của UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình về việc năm 2020 bị cáo đã trao 200 suất quà trị giá 100.000.000 đồng ủng hộ người dân bị lũ lụt trên địa bàn xã; có đơn của bị hại Lê Thị Anh T5 xin giảm

nhẹ hình phạt cho Bùi Trung Đ2 và Thái Anh Đ3 vì gia đình các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 3,8 tỷ đồng.

Bị cáo Cao Thị Diệu S cung cấp tài liệu mới về việc nộp 20.300.000 đồng tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0006496 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Bùi Ngọc T6 cung cấp tài liệu mới: Thư cảm ơn của Mặt trận quốc xã T, tỉnh Tây Ninh vì đã tham gia ủng hộ 5.000.000 đồng chăm lo, hỗ trợ quà tết cho các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã ngày 30/12/2025; quá trình học tập được tặng Giấy khen; đã nộp tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm là 244.200.000 đồng tại Biên lai số 0006466 ngày 11/12/2025 và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.894.668 đồng tại Biên lai số 0007065 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Mai Kim N3 cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có nhân thân tham gia Cách mạng: Ông nội là Mai Văn S1 được tặng Kỷ niệm chương chiến Cách mạng bị địch bắt tù đày, có ông ngoại và bà ngoại được tặng Huân chương chiến hạng Ba; cụ ngoại là Bà mẹ Việt Nam Anh H5; đã nộp tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm là 175.200.000 đồng tại Biên lai số 0006468 ngày 11/12/2025 và án phí dân sự sơ thẩm là 30.694.668 đồng tại Biên lai số 0007062 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Lê Thị Mỹ Hậu cung C5 tài liệu mới về việc mẹ bị cáo là bà Thái Thị N4 được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND và Tỉnh Ủy tỉnh K và Giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh K; Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Kon Tum (có xác nhận của chính quyền địa phương); Phiếu thu thể hiện bị cáo H6 tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ bão lụt tại địa phương; đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006470 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Trần Minh C6 cung cấp tài liệu về việc đã nộp số tiền 696.000.000 đồng tiền thu lời bất chính, 29.494.668 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tổng cộng: 725.694.668 đồng tại Biên lai số 0007068 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Thái Anh Đ3 cung cấp tài liệu mới là Giấy cảm tạ của UBND phường T, tỉnh Cần Thơ vì đã tham gia ủng hộ an sinh xã hội năm 2026; đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0005440 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

Bị cáo Lê Thị Trung Á cung cấp tài liệu đã nộp án phí dân sự sơ thẩm là 30.694.668 đồng tại Biên lai số 0007064 ngày 23/12/2025; tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm là 1.000.202.000 đồng tại Biên lai số 0006486 ngày 11/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Như vậy, có căn cứ xác định các bị cáo đã nộp đầy đủ các khoản tiền thu lời bất chính, tiền án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí hình sự sơ thẩm. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo thông qua việc tác động gia

đình thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại nhiều biên lai thể hiện do mẹ đẻ của bị cáo Thái Anh Đ3 nộp thay; hoặc thông qua bị cáo Lê Thị Trung Á thực hiện thay hoặc thông qua người bào chữa cho các bị cáo nộp thay. Mặt khác, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thực chất là làm thuê cho Công ty lừa đảo đặt tại nước ngoài, trong đó chỉ có bị cáo Bùi Trung Đ2 là được tiếp xúc và phân công, hướng dẫn các bị cáo còn lại phạm tội và tất cả các bị cáo đều chỉ được hưởng lương thông qua tài khoản mở bởi các Công ty không có thật như tại bản án sơ thẩm đã xác định.

Vì vậy HĐXX thấy cần áp dụng các tình tiết mới này để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo; có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt như quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa; quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của đại diện Viện Công tố và của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3.2] Về phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại: Tại các đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo của những người bị hại, cụ thể:

Vào các ngày 15/11/2025 và 31/12/2025, chị Trần Thị Thùy L1 là người bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bùi Trung Đ2, Thái Anh Đ3, Phạm Anh L2, Nguyễn Văn L, Đoàn Hữu N1, Bùi Duy H7 và Trần Minh C6 với các lý do: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; các bị cáo tuổi đời còn trẻ, đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nhiều bị cáo là lao động chính; con nhỏ, cha mẹ già yếu; một số gia đình các bị cáo có người thân có công Cách mạng; trong quá trình các bị cáo bị tạm giam đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền do các bị cáo chiếm đoạt là 3.231.692.000 đồng.

Vào các ngày 12/12/2025 và 31/12/2025 chị Lê Thị Anh T5 là người bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Trung Đ2, Thái Anh Đ3, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T6, Mai Kim N3 và các bị cáo liên quan đã khắc phục toàn bộ số tiền 6,8 tỷ đồng do các bị cáo trong vụ án chiếm đoạt.

Ngày 20/01/2026 và ngày 26/01/2025, các bị hại anh Trần Đình T3 và chị Vũ Thị Hải N2 đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Phan Đức H3 và Đinh Văn C4, vì đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền 12.686.868 đồng do các bị cáo trong vụ án chiếm đoạt; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; tuổi trẻ bồng bột nên mắc sai lầm.

Như vậy có đủ căn cứ xác định toàn bộ số tiền do các bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này đều đã được gia đình các bị cáo bồi thường, khắc phục cơ bản hết cho những người bị hại. Đối với các khoản tiền mà tại bản án sơ thẩm đã truy thu đối với từng bị cáo thì về cơ bản các bị cáo cũng đã thực hiện đầy đủ như tại bản án sơ thẩm đã xác định. Đây là tình tiết mới đáng kể tại phiên tòa phúc thẩm được áp dụng đối với tất cả các bị cáo trong vụ án theo điểm b khoản

1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trừ bị cáo Bùi Trung Đ2 thì tất cả các bị cáo còn lại đều được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[3.3] Đối với nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ3 đã rút kháng cáo và các bị cáo có kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

Căn cứ Điều 348, Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 686/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội liên quan đến Ngân hàng cổ phần Đ3 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 06/02/2026).

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Trung Đ, Thái Anh Đ1, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T, Mai Kim N4, Trần Minh C, Bùi Duy H, Đoàn Hữu N, Nguyễn Văn L, Phạm Anh L1, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N1, Lê Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị Diệu H3, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B và Phan Đức H4; Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 686/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với các bị cáo nêu trên, cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Trung Đ, Thái Anh Đ1, Lê Thị Trung Á, Bùi Ngọc T, Mai Kim N4, Trần Minh C, Bùi Duy H, Đoàn Hữu N, Nguyễn Văn L, Phạm Anh L1, Trần Vũ Trọng Đ2, Đinh Văn C1, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N1, Lê Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị Diệu H3, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B và Phan Đức H4 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

*** Về hình phạt:**

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Trung Đ**: 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù,** thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Thái Anh Đ1**: 11 (mười một) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Thị Trung Á**: 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Ngọc T**: 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

5. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Mai K: **10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2023.

6. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Minh C**: 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2023.

7. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm ag khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Duy H**: 10 (mười) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2024.

8. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Đoàn Hữu N**: 10 (mười) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2023.

9. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn L**: 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

10. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm ag khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Anh L1**: 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

11. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Vũ Trọng Đ2**: 09 (chín) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

12. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Đinh Văn C1**: 09 (chín) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

13. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Hoàng Thị Mỹ H1**: 08 (tám) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 03/06/2023 đến 06/02/2024.

14. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Hồ Ngọc N1**: 09 (chín) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

15. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Thị Mỹ H2**: 09 (chín) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

16. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị Diệu H3**: 09 (chín) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

17. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Cao Thị Diệu S**: 09 (chín) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

18. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Thái Văn Thiên B**: 07 (bảy) năm tù**,thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2024.

19. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phan Đức H4**: 09 (chín) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2024.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (là bố, mẹ, vợ, chồng, anh, chị em) của các bị cáo: Bùi Trung Đ, Thái Anh Đ1, Hoàng Thị Mỹ H1, Hồ Ngọc N1, Trần Vũ Trọng Đ2, Nguyễn Thị Diệu H3, Cao Thị Diệu S, Thái Văn Thiên B, Đinh Văn C1, Đoàn Hữu N, Trần Minh C, Bùi Ngọc T, Lê Thị Mỹ H2 đã tự nguyện bồi thường cho các bị cáo mà không yêu cầu các bị cáo bồi hoàn.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Bùi Trung Đ và Thái Anh Đ1 đã tự nguyện bồi thường cho bà Lê Thị Anh T1 số tiền 4,8 tỷ đồng (mỗi bị cáo bồi thường 2,4 tỷ đồng) mà không buộc các bị cáo khác liên đới bồi thường số tiền này.

+ Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau: bà Lê Thị Anh T1 1.970.184.271 đồng; chị Trần Thị Thùy L2 3.231.691.339 đồng; anh Nguyễn Việt H5 25.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hương D 135.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức A 234.247.200 đồng; ông Lê Văn H6 143.432.442 đồng; chị Vũ Thị Thu H7 299.000.000 đồng; anh Trịnh Văn T2 24.733.100 đồng; chị Vũ Thị Hải N2 24.000.000 đồng; ông Nguyễn Hoài N3 191.850.000 đồng; bà Phạm Thị Hải M 24.868.686 đồng; anh Trần Đình T3 12.686.868 đồng. Trong đó các bị cáo phải bồi thường số tiền cụ thể như sau:

1. Bùi Trung Đ: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường, còn thừa 482.633.300 đồng (tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, đảm bảo thi hành án).

2. Thái Anh Đ1: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường, còn thừa 482.633.300 đồng (tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, đảm bảo thi hành án).

3.Lê Thị Trung Á: 667.366.700 đồng;

4. Bùi Ngọc T: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng; còn phải nộp 647.366.700 đồng.

5. Mai Kim N4: 667.366.700 đồng;

6. Trần Minh C: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng; còn phải nộp: 637.366.700 đồng.

7. Bùi Duy H: 667.366.700 đồng;

8. Đoàn Hữu N: 667.366.700 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 180.000.000 đồng, còn phải nộp 487.366.700 đồng.

9. Nguyễn Văn L 197.018.400 đồng;

10. Phạm Anh L1: 558.873.000 đồng;

11. Trần Vũ Trọng Đ2: 59.838.100 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 150.000.000 đồng còn thừa 90.161.900đ nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

12. Hồ Ngọc N1: 39.300.200 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 135.000.000 đồng, còn thừa 95.699.800 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

13. Nguyễn Thị Diệu H3: 14.343.200 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 143.432.442 đồng, còn thừa 129.089.242 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

14. Cao Thị Diệu S: 2.748.100 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 24733.100 đồng, còn thừa 21.985.000 đồng;

15. Phan Đức H4: 2.666.700 đồng;

16. Lê Thị Mỹ H2: 23.803.600 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 191.850.000 đồng; còn thừa 168.046.400 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

17. Hoàng Thị Mỹ H1: 28.189.100 đồng; xác nhận bị cáo đã nộp 70.000.000 đồng, còn thừa 41.810.900 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

18. Đinh Văn C1: 1.409.700 đồng; xác nhận bị cáo đã nộp 37.000.000 đồng, còn thừa 35.590.300 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

19. Thái Văn Thiên B: 2.486.900 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 24.868.686 đồng; còn thừa 22.381.786 đồng nhưng tạm giữ để khấu trừ vào số tiền hưởng lợi bất chính, án phí để đảm bảo thi hành án, sau khi đối trừ các nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện, còn thừa thì trả lại bị cáo.

+ Buộc các bị cáo phải truy nộp số tiền hưởng lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

- Bùi Trung Đ: 1.350.000.000 đồng,
- Thái Anh Đ1: 100.000.000 đồng.
- Lê Thị Trung Á: 1.000.000.000 đồng.
- Bùi Ngọc T: 244.000.000 đồng.
- Mai Kim N: 175.000.000 đồng.
- Trần Minh C: 696.000.000 đồng.
- Bùi Duy H: 250.000.000 đồng.
- Đoàn Hữu N1: 330.000.000 đồng.
- Nguyễn Văn L: 250.000.000 đồng.
- Phạm Anh L1: 140.000.000 đồng.
- Trần Vũ Trọng Đ2: 52.000.000 đồng.
- Đinh Văn C1: 50.000.000 đồng.
- Hồ Ngọc N2: 34.000.000 đồng.
- Lê Thị Mỹ H1: 35.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Diệu H2: 120.000.000 đồng.
- Cao Thị Diệu S: 42.000.000 đồng.
- Hoàng Thị Mỹ H3:28.000.000 đồng.
- Phan Đức H4: 21.000.000 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo và Ngân hàng TMCP Đ3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Xác nhận: Các bị cáo đã nộp các khoản tiền (gồm tiền thu lời bất chính, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm) theo quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Bị cáo Hồ Ngọc N2 nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006471 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Đoàn Hữu N1 nộp án phí dân sự sơ thẩm 23.494.668 đồng tại Biên lai số 0007067 ngày 23/12/2025 và tiền thu lời bất chính, án phí hình sự sơ thẩm là 330.200.000 đồng tại Biên lai số 0006469 ngày 11/12/2025 đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Bị cáo Thái Văn Thiên B nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0005439 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Hoàng Thị Mỹ H3 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0006472 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Bùi Duy H nộp tiền thu lời bất chính 250.000.000 đồng tại Biên lai số 0006465 ngày 11/12/2025; án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006107 ngày 04/12/2025 và án phí dân sự sơ thẩm là 30.694.668 đồng tại Biên lai số 0007073 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Bị cáo Trần Vũ Trọng Đ2 nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006493 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Đinh Văn C1 nộp tiền hưởng lợi bất chính và án phí là 14.610.000 đồng tại Biên lai số 0006495 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Nguyễn Văn L nộp tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm là 250.200.000 đồng tại Biên lai số 0006467 ngày 11/12/2025 và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.850.920 đồng tại Biên lai số 0007066 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Bị cáo Phan Đức H4 nộp tiền án phí dân sự, hình sự sơ thẩm, tiền thu lời bất chính và tiền bồi thường là 24.167.700 đồng tại Biên lai số 0006108 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Bùi Trung Đ nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0005439 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Cao Thị Diệu S nộp 20.300.000 đồng tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0006496 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Bùi Ngọc T nộp tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm là 244.200.000 đồng tại Biên lai số 0006466 ngày 11/12/2025 và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.894.668 đồng tại Biên lai số 0007065 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Bị cáo Mai Kim N nộp tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm là 175.200.000 đồng tại Biên lai số 0006468 ngày 11/12/2025 và án phí dân sự sơ thẩm là 30.694.668 đồng tại Biên lai số 0007062 ngày 23/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Lê Thị Mỹ H1 nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0006470 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Trần Minh C nộp số tiền 696.000.000 đồng tiền thu lời bất chính, 29.494.668 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tổng cộng: 725.694.668 đồng tại Biên lai số 0007068 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Bị cáo Thái Anh Đ1 nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai số 0005440 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

- Bị cáo Lê Thị Trung Á nộp án phí dân sự sơ thẩm là 30.694.668 đồng tại Biên lai số 0007064 ngày 23/12/2025; tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ

thẩm là 1.000.202.000 đồng tại Biên lai số 0006486 ngày 11/12/2025, đều của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

(Số tiền các bị cáo đã nộp được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng **Nguyễn Tiến Dũng** **Nguyễn Vũ Đông**

Nơi nhận:
- Viện phúc thẩm 1;
- TAND tp Hà Nội;
- CQTHAHS CA tp Hà Nội;
- THADS tp Hà Nội;
- TTG số 2 – CATP Hà Nội;
- Các bị cáo (qua TTG và theo địa chỉ);
- Người liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông